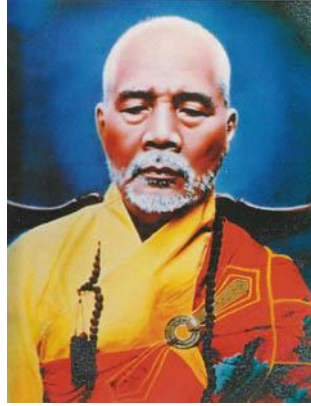


KINH VỊ TÀNG HỮU THUYẾT NHÂN DUYÊN



Dịch Giả: HT.Hành Trụ
Nhà Xuất Bản Tôn Giáo Hà Nội 2006

---o0o---

Nguồn

<http://www.tangthuphathoc.com>

Chuyển sang ebook 1-7-2009

Người thực hiện : Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

TỰA
LỜI NÓI ĐẦU
KHAI KỆ KINH
QUYÊN TRƯỚC
 PHẦN THÔNG TƯ
 PHẦN CHÁNH TÔNG
QUYÊN SAU
 PHẦN LƯU THÔNG
LỜI PHỤ
KỆ THÂU KINH (LỜI CẦU NGUYỆN)

---o0o---

TỰA

Đức Phật dạy: Ai muốn tin Ta, làm đệ tử Ta, cần phải đủ trí quán sát, mới tin; không rõ nguyên nhân Ta, mà tin Ta ấy là phỉ báng Ta. Ý câu này, Ngài bảo đệ tử của Ngài, ai muốn tu, muốn hành theo hạnh Ngài thì phải rõ các hành vi của ngài. Nghĩa là: xét rõ nguyên nhân của Ngài, sẽ tin và làm theo, chớ đừng làm càn, tin bướng thì khác nào không phải lương y mà giả xưng là lương y, cách đó rất tai hại.

Chúng ta nên biết: "Bồ Tát thị hiện phàm phu, chính phàm phu đó là hóa thân Bồ tát; còn phàm phu giả xưng Bồ tát thì Bồ tát ấy là Bồ tát của phàm phu". Nếu đem tâm phàm phu đó hành xử thì chỉ chuốc lấy phiền não khổ đau.

- Không rõ nguyên nhân mà cứ tin Ngài là tin theo lối mê tín.

- Tưởng Ngài là một vị Thần Thánh u u minh minh, linh linh hiển hiển, có quyền ban phước hay giáng họa là tin theo lối dị đoan.

- Tin Ngài, thờ phụng Ngài, sau khi chết được Ngài đem về cõi Cực Lạc, mà không biết Ngài là người chi, không rõ nguyên nhân Ngài đã làm những gì, ấy là tin theo lối thần quyền.

Như vậy, muốn tin một cách chính đáng "chánh tín" - Là một Phật tử chơn chánh không nên tin vào thần quyền, dị đoan và mê tín như trên; mà cần phải học hỏi nghiên cứu giáo lý Phật Đà một cách tường tận rồi mới tin và làm theo.

Chúng ta học Kinh này nên có sự suy gẫm "Chánh tư duy"; càng đọc sâu càng thấy rõ trong đó có rất nhiều nguyên nhân và sự tích. Vậy các tín đồ Phật giáo tin Phật bằng cách nào, Đức Thế tôn đã dạy đầy đủ trong quyển Kinh này.

Nam mô Bổn sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Dịch giả CÁN CHÍ

---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

Kinh Hoa Nghiêm, Phật dạy: "Nếu người muốn rõ biết hết thầy Phật ba đời, hãy nghiệm trong Pháp giới tánh, tất Duy Tâm tạo"

Luận: Duy tâm tịch tịch biến khắp mười phương, Pháp tánh như như viên dung một trí màu, ứng nơi cảnh sắc thanh, lưu lộ chiếu trong tâm mắt

Tự trung: Phán vọng quy chơn. Trục hạ: Bội trần hiệp giác. Pháp màu của Tâm như vậy, muốn khiến chúng sanh ngộ nhập.

Ôi! Căn cơ đã chẳng một, pháp lập có nhiều môn: Hoặc Kinh "Tu Đa La", hoặc kệ "Dà Đà", Kinh "Bôn Sự", kinh "Bôn Sanh", kinh Vị Tăng Hữu cũng nói Nhơn Duyên và lời ví dụ với Kinh Kỳ Dạ, Ưu Bà Đề Xá Kinh.

Chính bộ Kinh của Ta đây, tùy thuận chúng sanh mà nói, Ta lập phương tiện đây khiến đặng vào HUỆ PHẬT. Đây là từ đầu chí cuối, Ta chỉ vì một đại sự nhân duyên, mà xuất hiện ra đời.

Riêng Kinh này nhan đề: "Vị Tăng Hữu Thuyết Nhân Duyên". Vì sao? Bởi do Phật vì độ ông La Hầu La xuất gia. Nên trong hội này Nhơn Thiên được nghe Pháp chưa từng có.

Cho nên tên Kinh "Vị Tăng hữu Thuyết Nhân Duyên". Song chẳng những kinh này tên là "Vị Tăng Hữu" mà vô lượng pháp môn của Phật nói ra cũng lại như vậy.

Cho nên: Hôm nay trong hội hiệp khắc Kinh này làm mỗi đầu, kính in Pháp Bảo vô lượng bất khả tư nghì, ấn tống cả thế giới bất khả tư nghì, rộng ích chúng sanh bất khả tư nghì.

Nguyên Kinh này: Trong Năm thời, Tám giáo: Nói Đốn giáo cũng được. Nói Tiệm giáo cũng được. Nói Bất định giáo cũng được. Nói Bí mật giáo cũng được. Vì sao? Do vì đủ nhân duyên nói bốn món "Tất Đàn"; như nói:

1. Chúng sanh nghe pháp môn này hoặc đặng lợi ích hoan hỷ, ấy là thế giới Tất Đàn
2. Hoặc là đặng lợi ích sanh thiện là vị Nhơn Tất Đàn
3. Hoặc đặng lợi ích biệt ác, là đối trị Tất Đàn.

4. Hoặc đặng lợi ích nhập chánh lý, ấy đê Nhất nghĩa Tất Đản; Bốn hóa PHÁP và bốn Hóa NGHI như vậy, dung nhiếp khó nghĩ bàn. Cho nên nói:

"Phật giáo môn, diệc phục như thị".

Kinh Vị Tăng Hữu Thuyết Nhân Duyên: thượng, hạ, hai quyển.

KHAI KỆ KINH

Pháp môn Vô thượng rất thẳm sâu
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu
Con nay nghe thấy chuyên trì niệm
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

---o0o---

ĐỨC PHẬT THÍCH CA NÓI KINH NHÂN DUYÊN CHƯA TỪNG CÓ

QUYỀN TRƯỚC

Đời Tiêu Tê, Ngài Tam Tạng Sa môn THÍCH ĐÀM CẢNH dịch

Đây là lời của ngài A Nan thuật:

Ta nghe như vậy: Một thuở nọ Phật ở nước Xá Vệ, rừng cây của Thái tử Kỳ Đà, vườn ông Cấp Cô Độc.

---o0o---

PHẦN THÔNG TỰ

Khi bấy giờ, Đức Thế tôn bảo đệ tử lớn của Ngài là ông Mục Kiền Liên rằng: Nay ngươi hãy trở về thành Ca Tỳ La kia hỏi thăm Phụ vương Ta là vua Duyệt Đâu Đản cùng di mẫu Ta là bà Ba Xà Ba Đề và ba vị Hoàng thúc Ta là vua Học Phạn v.v... Nhân dịp này lại an ủi giùm thân mẫu của La Hầu La là bà Da Du Đà La, bảo nàng nên dứt tình mẫu tử để cho La Hầu La đi làm Sa-di, tu tập theo Thánh đạo. Vì sao?

Vì tình ân ái của mẹ con chỉ vui trong giây phút, chết rồi vào địa ngục. Mẹ con đều không thấy nhau, mù mù mịt mịt biệt ly dài dạn, chịu khổ muôn phần, sau rồi ăn năn không kịp; chi bằng cho La Hầu La đi tu đắc đạo, sẽ trở về độ mẹ, hàng dứt hẳn cội gốc Sanh, Già, Bệnh, Chết, được đến quả Niết bàn như Ta nay vậy

Bấy giờ, Mục Liên vâng mệnh liền nhập định ít như trang lục sĩ trong khi co duỗi cánh tay, đã đến thành Ca Tỳ La, đến chỗ vua Tịnh Phạn thưa rằng: "Tâu Đại vương! Đức Thế tôn ân cần không xiết, hỏi thăm đức Vua ở nhà có được yên ổn không? Và sức lực có được mạnh khỏe không?". Và bà đại Phu nhân Ba Xà Ba Đề, cùng ba vị thúc phụ là vua Học Phạn v.v... cũng lại thăm hỏi yên ổn mạnh khỏe như thế.

Bấy giờ, nàng Da Du Đà La vừa nghe tin Phật sai sứ đến chỗ vua, song nàng chưa biết có ý gì, nên nàng liền sai quan thanh y đi dò tin tức. Quan thanh y đi rồi trở về thưa lại rằng: "Thưa bà! Đức Thế tôn sai sứ về rước Thái tử La Hầu La độ đi làm Sa-di". Bà Da Du Đà La nghe được tin ấy rồi bèn đem Thái tử La Hầu La lên trên lầu cao và dặn bảo vị Giám quan đóng hết các cửa cho thật chắc chắn.

Lúc ấy, ngài Mục Liên đã đến cửa cung nhưng không thể vào đặng mà cũng không có người để thông tin. Ngài liền dùng sức thần thông bay lên lầu cao đến trước chỗ ngồi của bà Da Du Đà La mà đứng. Bà Da Du Đà La vừa thấy ngài Mục Liên đến thì nửa sợ nửa mừng, tung thế phải đứng dậy cung kính làm lễ hỏi thăm: "Thưa Ngài! Ngài đi đường xa có được khỏi sự mệt nhọc hay không?". Rồi bà sai người sửa soạn chỗ thỉnh ngài Mục Liên và bà lại hỏi thăm ngài Mục Liên rằng: "Thưa Ngài, Đức Thế tôn có được mạnh khỏe chăng? Và về việc giáo hóa chúng sanh có khỏi mệt nhọc không? Lại hôm nay sai thượng nhơn về đến đây có việc gì?" Đức Mục Liên thưa rằng: "Thưa bà! Thái tử La Hầu đã được chín tuổi rất nên cho đi xuất gia tu học Đạo Thánh. Sở dĩ vì sao?

Vì tình ân ái của mẹ với con vừa ý chẳng có bao lâu, một mai mà thân mạng chết rồi phải bị đọa vào ba đường ác. Tình ân ái biệt ly mờ mờ mịt mịt thì chừng đó mẹ nào có biết con, con nào có biết mẹ. Chi bằng La Hầu tu đắc đạo sẽ trở về độ mẹ hàng xa lìa các sự ưu hoạn là: Sanh, Già, Bệnh, Chết. Mà được đến cõi niết bàn như Đức Thế tôn hôm nay vậy".

Bấy giờ, bà Da Du Đà La đáp lại lời của ngài Mục Liên rằng: "Thưa Ngài! Phật Thích Ca Như Lai khi còn làm Thái tử cưới tôi làm vợ. Tôi hầu

hạ Ngài như hầu hạ Thiên Thần, chưa từng có điều chi sơ sót đối với Ngài, vợ chồng ăn ở cùng chung nhau chưa đầy ba năm Ngài vợ bỏ thú vui của ngũ dục, cung điện thành trì, trốn đến ở nơi chốn Vương Điền. Đức Vua thân hành đi rước mà Ngài quày quả chẳng chịu về, trở lại còn sai Xa Nặc dắt ngựa trắng về trả. Ngài tự quyết thề nguyện đến chứng thành Đạo mới trở về, mặc áo bằng da nai giống như người cuồng dại, ở ẩn chốn núi rừng, chuyên tu khổ hạnh được sáu năm, lúc đặng thành Phật, khi trở về nước cũng chẳng hỏi đến người thân, ân xưa quên hẳn, tuồng như khách lạ qua đường, xa lìa cha mẹ, ở ngụ nơi xứ người. Khiến cho mẹ con tôi côi cút quạnh hiu, mẹ góa con cô một mình trợ trợ, còn sống đây cũng không có người nhờ cậy, chỉ còn một cái chết mà thôi.

Song mạng người là chí trọng, nên tôi không lẽ tự vẫn, đành phải ôm sầu nuốt thảm. Tuy là mạng còn sống, tuy là ở với loài người mà chẳng bằng một con súc vật, cái họa trong các cái thảm họa đâu có cái thảm họa nào hơn ư! Thế mà hôm nay lại còn sai người về muốn dứt con tôi đi làm quyền thuộc, tệ sao mà tệ lắm vậy. Thái tử thành đạo tự nói rằng: "Từ Bi", mà cái đạo Từ Bi lẽ ra làm cho mọi người yên vui mới phải. Có sao nay lại làm biệt ly mẹ con người, trong những cái rất khổ, đâu có cái khổ nào bằng cái khổ ân ái biệt ly! Ngài lấy đây thử nghĩ thì Từ Bi chỗ nào?". Bà lại thưa với ngài Mục Liên nữa rằng: "Thưa Ngài! Ngài cảm phiền đem những lời của tôi về thưa lại với Đức Thế tôn!".

Bấy giờ, Mục Liên bèn dùng phương tiện mỗi mỗi nhân duyên tùy nghi giảng dụ đi lại đôi ba lần mà bà Da Du Đà La chắc ý không nghe. Túng thế, Ngài phải từ tạ trở về chỗ vua Tịnh Phạn tỏ bày tự sự như trên. Vua nghe lời ấy rồi bèn sai người mời bà Đại Phu nhân là bà Ba Xà Ba Đề đến. Vua bảo với bà rằng: "Này khanh! Con ta là Tất Đạt Đa sai ngài Mục Liên về rước La Vân, muốn cho La Vân vào đạo tu học Pháp Thánh, nhưng Da Du Đà La là người đàn bà ngu si, chưa hiểu pháp yếu, nên tâm ý cứ nằn ghệt thẳng dây tình ân ái không chịu buông thả. Vậy khanh hãy đến đó giảng dụ đôi lời nữa, khiến cho tâm nó khai ngộ".

Lúc bấy giờ, Đại Phu nhân liền đem theo năm trăm kẻ thanh y đi đến trong cung của bà Da Du Đà La ở, dùng đủ cách phương tiện tùy nghi giảng dụ cũng đến đôi ba phen mà bà Da Du Đà La vẫn không chịu nghe còn trở lại thưa với bà Đại Phu nhân rằng: "Thưa mẹ! Mẹ nghĩ coi, hồi con còn ở nhà cha mẹ con thì các vua trong tám nước đều đến nói con mà cha mẹ con chẳng hứa. Sở dĩ vì sao? Vì bởi Đức Phật Thích Ca hồi còn làm Thái tử tài trí cao xa, võ nghệ hơn người, thế cho nên cha mẹ con mới gả con cho đó.

Nhưng Thái tử bấy giờ biết cuộc đời là giả tạm nên quyết chí xuất gia học đạo, đã yên bồng phận thì thôi, có sao lại ân cần bảo người về bắt con tôi? Luận cho đúng lý, người ta cưới vợ chính vì sự ân ái sum họp vui vầy, muôn đời sanh con đẻ cháu truyền giòng nối dõi để kế nghiệp tổ tông, đó là cái lẽ chính trong thế gian, thế mà hôm nay Thái tử đã đi tu rồi, sao lại còn về bắt La Hầu muốn khiến cho đi xuất gia, thì té ra tuyệt giòng trị nước nào có nghĩa lý gì đâu?".

Từ nãy đến giờ Hoàng hậu ngồi nghe những lời ấy rồi lặng lẽ làm thinh không biết nói sao được!

Khi bấy giờ, Đức Thế tôn liền sao vị Hóa nhân ở giữa hư không bảo rằng: "Này Da Du Đà La! Bà còn có nhớ việc thề nguyện hồi trước kia không? Phật Thích Ca Như Lai đương đời đó chính là tôi nay đây. Khi tôi còn làm đạo Bồ tát, tôi dùng năm trăm quan tiền, theo bà mua đặng năm cành hoa sen cúng dâng lên cho Đức Phật Định Quang. Lúc ấy, bà cầu tôi đời đời sanh chỗ nào cùng nhau làm chồng vợ". Song tôi chẳng chịu lại bảo bà rằng: "Tôi làm đạo Bồ tát đời nào, đời nào tôi cũng thực hành theo bốn nguyện của tôi. Nghĩa là bố thí tất cả không trái ý mọi người. Bà nếu có thể bằng lòng như vậy, thì tôi mới cho làm vợ tôi". Khi đó, bà lập lời thề rằng: "Nguyện đời đời sanh ra chỗ nào, quốc thành thê tử cùng với thân mạng tôi, mặc dù ông muốn cho ai thì cho, tôi thề không bao giờ có tâm hối hận". Thế mà nay vì cái gì mà bà lại ái tiếc La Hầu không cho đi xuất gia học đạo Thánh vậy".

Da Du Đà La nghe lời ấy rồi bỗng nhiên nhớ lại nhân duyên đời trước mọi sự rõ ràng như cái việc mới thấy ngày hôm qua, tâm tình thương con tự nhiên tiêu hết. Bà liền sai người mời ngài Mục Liên đến để bà sám hối từ tạ và cầm tay La Hầu phó thác cho ngài Mục Liên, cùng con biệt ly với đôi hàng giọt lệ. Lúc ấy, La Hầu thấy mẹ sầu khổ liền quỳ xuống chấp tay từ tạ mà thưa rằng: "Thưa mẹ! Xin mẹ ở nhà chớ buồn, La Hầu con nay đến viếng Đức Thế tôn rồi con sẽ trở về cùng mẹ thấy mặt". Khi đó, vua Tịnh Phạn vì muốn an ủi bà Da Du Đà La để cho bà được vui lòng.

Liên đời các nhà Hào tộc trong nước nhóm họp mà nói rằng: "Con của vua Kim Luân vương, nay sẽ đến nước Xà Bà Đề theo Phật Thế Tôn xuất gia học đạo. Vậy phiền các khanh mỗi người đều cho một con đi theo cháu trẫm". Vua vừa phán xong, thì ai nấy đều vâng lời kính cẩn phụng mạng.

Tức thời nhóm họp có năm mươi người đi theo La Hầu đến nơi Đức Phật cúi đầu làm lễ. Khi đó, Phật bảo ông A Nan cạo đầu cho La Hầu La và năm mươi vị vương tôn công tử thấy đều cho xuất gia. Dạy ông Xá Lợi Phất làm Hòa thượng. Ngài Đại Mục Kiền Liên làm A Xà Lê, truyền trao cho mười Giới pháp đều làm Sa - di. Song La Hầu tuổi còn thơ ấu đã quen theo thói ngạo mạn, chỉ thích chơi đùa chẳng chịu nghe pháp, Phật hằng dạy bảo mà ông vẫn không nghe, chẳng biết làm sao được.

---o0o---

PHẦN CHÁNH TÔNG

Khi bấy giờ, vua Ba Tư Nặc nghe con của Phật là La Hầu đi xuất gia làm sa-di. Vua cùng với quần thần Phu nhân, Thái tử, hậu cung, thể nữ, Bà-la-môn và cư sĩ cung kính đi theo. Buổi trời sáng sớm đồng đi đến chỗ Phật làm lễ hỏi thăm và xem con của Phật là Sa-di La Hầu. Rồi mỗi người ngồi một phía, nhân đó Phật lại vì nói pháp. Nhưng vua và quần thần vì đã quen thói kiêu mạn nên nghe Phật nói pháp ngồi lâu chán nản muốn từ tạ lui về.

Khi bấy giờ, Đức Thế tôn biết vua mới ngộ, tín căn chưa vững, toan muốn khai ngộ cho vua và quần thần được nhiều lợi ích. Nên bảo A Nan rằng: "Ông nên đi kêu Sa-di La Vân và tất cả quyến thuộc đều đến nhóm đây nghe Ta nói pháp". Ông A Nan đi kêu trong chốc lát đều nhóm đủ.

Phật lại bảo vua rằng: "Người đợi giây phút nghe Ta nói pháp". Vua liền vòng tay bạch rằng: "Thưa Đức Thế tôn! Nay thân con đây quen thói vui chơi đã nhiều, không có thể ngồi nghe lâu được, khổ lắm mong Phật tha thứ". Phật liền bảo Vua rằng: "Thế cũng không lấy gì làm khổ. - Là vì sao? Vì bởi đời trước gieo trồng cội phúc cho nên đời nay được làm vua, thường ở trong chốn thâm cung thỏa tình ngũ dục, lúc ra vào có kẻ hầu hạ, chân không chấm đất sao gọi là khổ? Cái khổ ở trong Tam giới đâu có cái khổ nào bằng các nạn khổ nơi đường địa ngục, Súc sanh và Ngạ quỷ, những cái khổ như trên Ta đã từng nói rồi".

Phật liền quay lại bảo La Vân rằng: "Này La Vân con ơi! Gặp Phật ra đời rất khó, nghe được Chánh pháp rất khó, giữ được thân người là khó và đắc đạo cũng khó, mà con nay được thân người, lại gặp Phật ra đời có sao biếng lười, chẳng chịu nghe pháp vậy?". La Vân bạch Phật rằng: "Thưa Đức Thế tôn! Pháp Phật tinh diệu, tâm trí con còn non nớt đâu dặng nghe nổi pháp mầu của Đức Thế tôn. Trước con đã từng nghe, nay lại quên hết, luống nhọc tinh thần, không dặng một chút, và con nay tuổi còn nhỏ, tình ý hay

buông lung, đợi đến chừng con tuổi lớn khôn, may ra có khác chút nào mới nghe pháp được". Phật bảo La Vân: "Muôn vật vô thường, thân người cũng khó giữ được, vậy người có thể giữ được mạng người đến lớn không?".

"Dạ thưa Đức Thế tôn! La Vân con đây không thể giữ được, như Phật há chẳng giữ giùm mạng con ư?". Phật bảo: "Này La Vân! Ta còn không giữ được cho Ta huống chi là giữ giùm cho người". La Vân bạch Phật rằng: "Luống nhọc theo pháp đã không đắc đạo, vậy công nghe pháp nào có ích cho cho người". Phật lại bảo La Vân: "Công trình nghe pháp dù đời nay tuy không đắc đạo, nhưng đời sau thọ thân trong ngũ đạo được nhiều lợi ích. Như Ta trước đã nói Bát Nhã trí tuệ cũng kêu là cam lộ, cũng kêu là vị lương y, cũng kêu là cầu công, cũng kêu là chiếc thuyền to, người đã nghe chưa?".

La Vân bạch Phật: "Thưa Đức Thế tôn! Con đã được nghe".

Khi bấy giờ, vua Ba Tư Nặc quỳ gối chấp tay bạch Thế Tôn rằng: "Nhu Phật vừa nói Bát Nhã trí tuệ kể có bốn tên, nhưng chưa biết nghĩa đó ra làm sao, mong Phật thương xót vì con giảng dạy". Phật bảo vua rằng: "Người muốn lắng nghe thì phải để tâm nghe kỹ, Ta nay nói đây". Phật nói: "Ta nhớ nghĩ đời quá khứ từ vô số kiếp, ở nước Tỳ Ma Đại, trong núi Tỳ Đà có một con Già Can bị một con sư tử vương rượt bắt muốn ăn thịt, Già Can sợ hãi giông nhảy rớt xuống một cái giếng không có thể lên được, ở đây ba ngày tâm tưởng chắc chết. Mà nói bài tụng như vậy:

Thảm kịch! Ngày nay khổ đến cùng!

Chắc là mất mạng ở nơi giếng!

Tất cả vạn vật đều vô thường,

Tiếc thay chẳng hiển thân (cho) sư tử!

Than ôi! Thân tội ách nạn gì,

Tham tiếc thân mạng chết không công,

Không công mà chết đã đáng giận.

Lại để thân thôi như giếng người.

Nam mô sám hối mười phương Phật,
Chứng biết lòng con sạch mãi rồi.
Đời trước đã làm ba nghiệp tội,
Nguyện đem thân này đền trả xong.
Các tội hết rồi ba nghiệp sạch,
Tâm cần bất động niệm chơn thật,
Từ đây kiếp kiếp gặp Minh sư,
Như Pháp tu hành mau thành Phật.
Khi Trời Đế Thích nghe tên Phật,
Bừng dậy dựng tóc nhớ Phật xưa.
Nghĩ mình cô lộ không Thầy dạy,
Say mê ngũ dục tự đắm chìm.
Không thể vượt qua khỏi ngục ái ân.
Càng suy càng thấm ứa nước mắt,
Liên cùng chư Thiên tám vạn chúng.
Bay xuống bờ giếng muốn hỏi gạn.
Mới thấy Giả Can nơi đáy giếng,
Hai tay bầu đất không lên được,
Thiên Đế lại tự nghĩ thầm rằng:
Thánh Nhân ứng hiện nhiều phương pháp,
Ta nay tuy thấy hình Giả Can,

Ấy là Bồ Tát chẳng phải phàm.
Nay xin hỏi rõ chỗ nghi ta,
Và khiến chư Thiên được nghe pháp.
Không nghe Thánh giáo đã hèn lâu,
Ở chỗ mịt mù không Thầy dạy,
Những lời nhơn giả chẳng phải phàm.
Xin vì chư Thiên nói pháp giáo.
Khi ấy Giả Can ngược đáp rằng:
Ngài là Thiên đế không ai dạy,
Thật rất si ngạo không biết thời,
Pháp sư ở dưới mình ở trên,
Đã không cung kính lại hỏi Pháp,
Pháp như nước mát cứu được người.
Thế nào muốn được lòng ngạo mạn.
Thiên Đế nghe rồi rất hổ trên (thẹn),
Chư Thiên đứng hầu bật buồn cười.
Thiên Vương chịu lòng thật không ích,
Còn bị hổ thẹn rất đáng thương,
Đế Thích tức thời bảo chư Thiên,
Dè dặt chớ cho là quái lạ,
Ta đây ngu tộ hạnh chẳng xứng.

Vì thế quyết phải nghe Pháp yếu,
Liên vì xử xuống áo Thiên y,
Bọc lấy Giả Can lên khỏi giếng.
Vòng tay từ tạ lời vô lễ.
Cúi đầu sám hối xin tha tội.
Chư Thiên thiệt đúng như Thầy dạy,
Triền miên ngũ dục rất hoang mê,
Đều bởi không gặp Thầy hay giỏi,
Giảng nói khổ, vui, thường, vô thường.
Chư Thiên dâng cúng cam lồ thực,
Giả Can đặng ăn hy vọng sống.
Không ngờ trong họa lại gặp phước,
Tâm tình khắp khởi mừng xiết bao.

Khi ấy, Giả Can tự nghĩ rằng: "Trong đường súc sanh, sự xấu xa thô tệ nhất là Giả Can, nhưng nhờ cái sức trí tuệ nên được như vậy. Lại tự nghĩ thân mình thô xấu thật chẳng đáng yêu, sở dĩ vui mừng và vui mừng hơn nữa là được hoăng Pháp. Chư Thiên si mê đây đều nhờ Đế Thích trước có chút phần Bát Nhã, nên được chung cùng đồng đến nghe Pháp. Rồi tự khen rằng: "Lạ thay! lạ thay! Có cái may nào bằng cái may ngày nay được thuyết pháp, để thành công đức cho Ta". Lại nghĩ rằng: "Cám ơn ngày hôm nay đây không nhờ công sức công đức trí huệ phương tiện của Hòa thượng tiên sư Ta từ mẫn dạy bảo hay sao?".

Cung kính Thầy ta! Cung kính thầy ta!

Nam mô Bát Nhã! Nam mô Bát Nhã!

Tuy con làm tội sanh trong ác thú, nhưng con vẫn nhớ đời trước và biết được nghiệp duyên là nhờ sức Bát Nhã cảm hóa chư Thiên giáng thần đến đây cúng dường tiếp tế và được hoàng pháp thỏa chút lòng con".

Khi đó, Trời Đế Thích bảo chư Thiên rằng: "Nhu lời Thầy nói định muốn thuyết pháp. Chúng ta từ nay được nhiều thiện lợi. Vậy thì ai cũng phải cúi đầu thành thật xin Thầy thuyết pháp". Đế Thích nói xong rồi chư Thiên đều vâng mạng. Tức thời mỗi người sửa sang cung kính cẩn trịch vai áo bên hữu đồng thời bao chung quanh Giả Can, quỳ xuống chấp tay, mỗi người đồng tiếng mà nói bài tụng rằng:

Hay thay! Hay thay!

Hòa thượng Giả Can

Xin Ngài nói Pháp,

Khai hóa cõi Thiên!

Cõi Thiên mờ mịt,

Mê đắm ngũ dục.

Hằng sợ phước hết

Vô thường kéo lôi!

Chết đọa ác đạo

Khó cứu ra khỏi,

Đã lâu đời lắm,

Mấy muôn ức năm,

Nay mới gặp một,

Ruộng phước tốt lành

Xin Thầy thương xót,

Nói Pháp cho nghe,

Thiên nonh đặng phước

Chúng sanh cũng đợc

Nguyện cùng Hòa thượng,

Vĩnh kiếp theo nhau,

Đến khi thành Phật,

Thường kết nhân duyên.

Minh sư khó gặp,

Nên phải thề nguyện.

Khi bấy giờ, Giả Can thấy các người Trời ân cần khuyến tỉnh và ưa muốn nghe pháp thì lòng vui mừng bội phần. Liên bảo Thiên đế rằng: "Ta nhớ nghĩ thuở xưa Ta từng thấy người đời, những người muốn nghe pháp, thì trước phải sửa sang một cái tòa cao, trang sức thanh tịnh, mới thỉnh Pháp sư lên ngôi thuyết Pháp. Vì sao? - Bởi Kinh Pháp là quý trọng, kính đó thời đợc phước, chớ nên đem cái tâm khinh, mà bị tôn phước". Chư Thiên nghe rồi ai nấy nói rằng: "Xin vâng". Liên cởi áo Thiên bảo chõng lại thành một cái tòa cao, chỉ trong giây phút đã đợc trang sức tôn nghiêm thanh tịnh bậc nhất.

Khi đó, Giả Can lên tòa, bảo Thiên đế rằng: "Ta nay nói Pháp chính là vì hai sự nhân duyên rất lớn: Thế nào gọi là hai: 1- Là vì thuyết pháp khai hóa cõi Thiên thì đợc phước không lường. 2- Là vì cái ơn thí cho ăn không nói sao đợc". Thiên đế thưa rằng: "Cứu khỏi nạn chết dưới giếng đợc toàn thân mạng thì cái công ơn rất lớn. Thế nào Tôn giả lại nói cái ơn đó không bằng cái ơn thuyết pháp. Sở dĩ vì sao?" Hòa thượng phải biết rằng: "Tất cả trong thiên hạ ai cũng ưa sống cầu an, không ai muốn chết cả. Do vì nhân duyên ấy nên cái công ơn cứu toàn thân mạng há đặng không lớn hay sao?".

Giả Can đáp rằng: "Cái sự thích hợp sống chết phải chăng của mỗi người đều có khác. Hoặc có người tham sống, hoặc có người ưa chết. Kẻ nào tham sống, là kẻ sống trong đời ngu si mờ ám chẳng biết chết rồi lại có sanh ra đời sau, trái Phật xa Pháp, không gặp Minh sư, làm việc sát, đạo, dâm, dối, chỉ gặp ác là theo, những người như thế là người tham sống sợ chết. Trái lại, người nào ưa chết, muốn gặp Minh sư, phụng sự ngôi Tam Bảo, cải

dữ làm lành, hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ Thầy Tổ, hòa thuận vợ con, tôi tớ quyền thuộc đều được khiêm nhường cung kính mọi người, những người như vậy là người ghét sống ưa chết. Sở dĩ vì sao? Vì người lành chết đi, nhờ phước được sanh lên cõi trời hưởng năm điều dục lạc. Còn người dữ chết đi sẽ vào địa ngục chịu khổ không cùng. Người lành ưa chết, như tù ra khỏi ngục, người dữ sợ chết, như tù vào trong ngục".

Thiên Đế hỏi rằng: "Như lời thầy dạy té ra cứu toàn mạng sống không có công phu gì rồi, đúng thật như lời thầy nói thì còn có hai việc: 1- Là thí cho ăn, 2- Là thí Pháp, đều có cái công đức gì, cúi xin thầy giảng dạy, khai hóa kẻ mờ ám này được rõ?".

Giả Can đáp rằng: "Bồ thí về việc ăn uống chỉ giúp mạng sống trong một ngày, còn bồ thí của quý thì giúp sự thiếu thốn trong một đời, nhưng đó cũng là một sự nhân duyên ràng buộc thêm lớn đường sanh tử mà thôi, còn về sự thuyết pháp giáo hóa gọi là Pháp thí có thể khiến cho chúng sanh được đạo xuất thế gian. Mà đạo xuất thế gian ấy kể có ba món: Một là La Hán, Hai là Bích Chi Phật. Ba là Phật Đạo. Những người trong bậc Tam Thừa ấy đều nhờ nghe Pháp rồi y theo Pháp tu hành mới chứng được. Lại những chúng sanh khỏi cái khổ trong ba đường ác đạo, được hưởng cái phước vui ở cõi trời là đều nhờ nghe Pháp. Thế cho nên Phật nói đem Pháp bồ thí thì được công đức vô lượng".

Thiên đế thưa rằng: "Nay thân thầy đây, thật là thân nghiệp báo hay là thân Ứng Hóa vậy?".

Giả Can đáp rằng: "Thật là cái thân nghiệp báo chớ chẳng phải là thân Ứng Hóa".

Người trời nghe rồi bưng dậy kính hải, buồn thảm thương tâm, nhỏ đôi hàng giọt lệ, liền đứng dậy cung kính bạch Giả Can rằng: "Lòng con tưởng thầy là Bồ Tát Thánh nhân ứng hiện cứu đời mà nay vừa nghe Thầy nói là tội nghiệp quả báo. Chúng con chưa rõ cái duyên có gì? Cúi xin thầy thương xót nói rõ nhân duyên ấy?".

Giả Can đáp rằng: "Ngài muốn nghe cũng được, ta nay nói đây. Ta trước hồi đời thượng cổ, ta sanh trong nước Ba La Nại, tại thành Ba Đầu Ma, làm con nhà nghèo tên là A Dật Đa cũng thuộc về dòng Sát đế lợi, tuy tuổi còn nhỏ mà thông minh ham mộ sự học hành đến khi mười hai tuổi đi theo Minh sư vào ở trong chốn thâm sơn nhọc nhằn hầu hạ, nghiên cứu tập học siêng năng không biếng lười, thầy cũng ngày đêm tha thiết dạy bảo, không mất

thời giờ, trải qua năm mươi năm học được chín mươi sáu món Kinh, Thơ, Ký, Luận, Phương y, Chú thuật và xem tướng biết hung, tai, dị, họa, phước không có món nào mà không biết, trí đức tài cao danh vọng bốn bề.

Khi bảy giờ, A Dật Đa tự nghĩ rằng: Cái sự cứu giúp ngày nay đâu không nhờ cái công ơn giáo hóa của Hòa thượng Tôn Sư ta, cái công ấy khó trả. Song mà nhà ta nghèo hèn không có gì để cúng dường, chỉ còn một lẽ là bán thân để đền đáp ơn thầy, nghĩ như thế rồi liền quỳ xuống thưa với thầy rằng: "Đệ tử con nay muốn tự bán thân đền trả ơn Thầy".

Thầy lại bảo rằng: "Này con! Kẻ đạo sĩ này ở trong núi vẫn đi khát thực tự nuôi sống không có việc chi thiếu thốn, nhưng con nay vì sao lại hủy báng cái thân quý mà cúng dường cho ta vậy. Thôi con nay đã được thành tựu trí tuệ biện tài thì nên đi giáo hóa thiên hạ nhân dân, vì pháp làm ngọn đèn sáng, thì cái công giáo hóa ấy há chẳng đủ trả ơn cho ta hay sao! May lắm! Thôi đừng làm những chuyện như vậy".

Khi đó, A Dật Đa là người trí nên không trái lời Thầy, bèn ở lại trong nước đi khát thực tự nuôi sống. Như vậy không bao lâu vị Quốc vương trong nước thăng hà. Các quan quân thần nhóm họp lại luận bàn, ra lệnh trong nước các chư học sĩ đều mời nhóm hết bảo cùng nhau thi luận, nếu ai được nhiều hơn hết sẽ được làm vua.

Khi ấy, A Dật Đa cũng được mời đến nhóm cùng với chư học sĩ có hơn năm trăm người, suốt trong bảy ngày cùng nhau thi luận. Nhưng không có ai hơn được A Dật Đa. Quần thần rất vui mừng liền mời các thầy Bà-la-môn lại, tôn A Dật Đa lên nối ngôi vị Quốc vương.

Khi A Dật Đa thấy sự như vậy rồi, vừa lo vừa mừng mà tự nghĩ thầm rằng: "Nếu ta làm vua thì sợ e có cái tâm kiêu mạn khoái ý tham cầu làm cho nhân dân bị khổ, đến khi chết sẽ đọa vào trong địa ngục, vì làm vua là một nhân duyên chịu khổ, còn nếu không làm vua thì nhà nghèo không có cái của cải lấy gì cúng dường báo đáp ơn nặng cho thầy, nghĩ đi nghĩ lại đành phải nhận ngôi vua để trả ơn cùng nuôi dưỡng song thân. Nghĩ như vậy rồi đành nhận ngôi vua.

Khi lên ngôi vua rồi liền sai quan trung thân sửa soạn xe báu, tràng phan bảo cái, hương hoa kỹ nhạc đủ trăm món đồ ăn uống vào trong núi rước thầy về nước cúng dường riêng lập cung điện toàn bằng thất bảo, sơn phết chạm trổ đủ mọi vẻ đẹp, nào là giường chõng mền nệm, đồ ăn uống thuốc thang, vườn hoa, rừng quả, suối chảy ao tắm trang hoàng rực rỡ để cúng dường

thầy. Vua A Dật Đa cùng với quan dân trong nước Phu nhân thể nữ. Ngày ngày theo thầy thọ giáo pháp Thập thiện suốt trong một trăm năm.

Khi ấy, cõi ngoài có hai nước nhỏ, hai ông vua nhỏ kia cùng nhau ganh ghét riêng lập binh mã đánh giết lẫn nhau, trải qua đã nhiều năm mà đảng nào cũng không hơn đảng nào. Một nước nhỏ kia tên là An Na La, một nước nữa tên là Ma La Bà Da. Lúc đó vua An Na La mời các quần thần nhóm lại cùng nhau đề nghị rằng: "Chúng ta phải lấy phương pháp gì để đánh hơn được nước kia". Các quần thần đáp rằng: "Vua A Dật Đa là người sanh sản nơi nhà hàn tiện, tuy là địa vị ngôi vua, nhưng cái tánh hàn tiện vẫn còn, và từ xưa đến nay vẫn giữ theo mười điều lành không phạm sắc ngoài (*tà dâm*) tuy có cung nữ nhưng mà tuổi già hết rồi. Như theo kế của tiểu thần thì nên tìm xem trong nước, không luận nhà nghèo hay giàu, miễn gái cho có tiếng, đủ một trăm người tuổi trẻ sắc đẹp, hễ vừa ngó thấy là vừa thích ý, ăn mặc trang điểm phấn son thơm sạch. Rồi sai quan trung thần chở chuyên của báu và các thể nữ ấy đem sang cống hiến. Nếu ngài thân nhận thì xin ngài giúp cho trăm vạn hùng binh đem qua đánh thì không đâu là không thắng". Ai nấy liền y theo kế đó: Gái đẹp, của báu trong một giờ tìm đủ, vua sai trung thần đem sang cống hiến.

Khi bấy giờ, vua A Dật Đa được các mỹ nữ và của báu thì chi xiết vui mừng mới hỏi vị sứ thần rằng: "Vua người cống hiến cho ta những vật quý như thế này mà muốn cho ta đáp lại những gì không?" Sứ thần tâu rằng: "Vì nước Ma La Bà là một nước dưới quyền thống trị của Đại vương, vua kia ngu mê không biết giáo hóa nhân dân, dâm loạn vô đạo không lo việc quốc chánh, nhân dân bị đồ thán xem như kẻ thù. Dám xin Đại vương giúp cho trăm vạn hùng binh đem qua đánh nước ấy. Nên hôm nay tôi thành tâm cống hiến chính là vì lẽ đây". Vua nói rằng: Hay lắm! Rồi liền sai quan lệnh giản kiểm đủ trăm vạn hùng binh đem giao phó cho đó và vua An Na La cũng tự chọn lựa trong nước được trăm vạn binh nhân đồng thời giúp nhau, thổi hiệu ra lệnh suốt trong trăm ngày đấu chiến sát hại người chết hơn nửa, mới thắng được nước kia. Bấy giờ, vua Ma La Bà đều bị xử trảm và cả họ hàng có hơn ngàn vạn người trong một thời đều chết sạch.

Bấy giờ, nhắc lại vua A Dật Đa khi được các gái đẹp thì tình ý mê hoặc quên mất bản tâm, lung dâm chơi đùa không lo việc quốc chánh; để cho quan quần liêu cùng nhau làm loạn; bắt con gái của lương dân về làm nô lệ. Gió mưa không đúng thời tiết, nhân dân chết đói đầy đường. Nên bị kẻ địch nước ngoài bèn đến xâm lấn. Vua A Dật Đa từ đây mất nước rồi cũng bị diệt vong.

Sau khi chết rồi sanh trong đường địa ngục thân chịu khổ sở, nhưng vì nhờ đời trước có sớ học vấn trí tuệ, nên nhớ được túc mạng tâm tự hồi quá bỏ dũ làm lành; chỉ trong giây lát hết đời địa ngục sanh làm nga quý, mà còn nhớ được mạng đời trước, liền lại ăn năn tội lỗi, chuyên tu pháp Thập thiện; trong giây lát lại hết đời nga quý sanh trong loài súc sanh, chịu cái thân Giả Can, song vì nhờ cái sức trí tuệ nên lại còn biết được túc mạng; bỏ những việc ác đã qua sửa làm việc lành sắp đến, vâng giữ pháp Thập thiện, lại đi giáo hóa tất cả chúng sanh khiến dạy bảo làm mười điều lành. Nhưng nay rủi gặp sư tử rượt bắt trong khi sợ hãi nhảy nhào xuống giếng, trong tâm tưởng là chết rồi sẽ được sanh về cõi trời hết khổ được vui, nhưng mà do người cứu ta làm trái bổn nguyện của ta nên mới trải qua những nỗi khổ, biết đời nào khỏi được. Thế cho nên ta nói người cứu mạng ta là không có công phu vậy.

Thiên Đế nạn rằng: "Nhu theo lời thầy nói thì người lành cầu chết. Việc ấy không phải vậy. Là vì sao? Vì thầy ở dưới giếng nếu không nắm vào áo thì không đặng lên, nếu không đặng lên thì thân không đặng sống. Nay xét cái nguyên do được sống là nhờ thầy nắm vào áo. Thế cho nên phải biết rằng: "Chẳng phải là thầy không muốn sống lẽ nào thầy lại nói rằng thầy không tham sống ư?".

Giả Can đáp rằng: "Ý ta nay sở dĩ nắm vào áo là chính vì ba sự nhân duyên rất lớn. Sao gọi là ba? Một là nắm vào áo vì không trái cái bổn nguyện của Thiên đế. Và lại làm trái ý không mãn chỗ sở nguyện của người, thì mắc cái khổ rất lớn, làm cho người khổ não thì đời đời sanh ra chỗ nào, chí nguyện cũng không loại, cầu chi cũng không đặng, tìm nơi nào cũng không gặp, khổ não đến thân. Ta vì cái lẽ ấy chớ chẳng phải là vì sự sống vậy. Hai là nắm vào áo, là thấy ý chư Thiên muốn đặng nghe Pháp; nên ta muốn vì chư Thiên tuyên truyền Chánh pháp bởi ta không lẩn pháp vậy. Ví như ta không nói thì thành ra lẩn pháp, mà cái tội lẩn pháp đời đời sanh đui, điếc, câm, ngọng, các căn bế tắc, sanh ở chốn biên địa, ngu si vô trí. Dù sanh ở chỗ tốt mà tâm tánh ám độn sở học không thành tựu nên khổ não đến thân. Ta nay vì cái lẽ ấy chớ chẳng phải vì sự sống vậy. Thí như người đời, nhân đời trước của họ làm việc bố thí tu thiện phước đức nhân duyên, nên đời nay sanh ra làm người, chỗ sở nguyện từng tâm giàu có của cải, mà kẻ nghèo đi đến xin lại keo tâm lẩn tiếc không chịu thí cho, cái quả báo của sự xan tham sẽ sanh trong đường nga quý thường bị nạn đói khát, áo chẳng đủ che thân, mùa đông lạnh rét thân thể nứt nẻ, mùa nắng thì nóng dũ, không có bóng che, khổ não như thế đến mấy nghìn vạn kiếp. Tội nga quý hết rồi sanh trong loài súc sanh ăn cỏ uống nước, ngu dại không biết chi, hoặc ăn bùn đất, uống

nước bất tịnh, đó là vì mắc cái tội xan tham, cho nên phải chịu cái quả báo như vậy. Mà cái tội lẫn Pháp cũng như thế.

Ba là nắm vào áo, là chính vì muốn tuyên truyền Pháp hóa cùng khắp vậy thôi. Đó là vì muốn khai ngộ lợi ích cho người trời".

Thiên đế lại hỏi rằng: "Gọi là Pháp thí được công đức không lường". Việc ấy ra làm sao? Cúi xin thầy nói cho. Giả Can đáp rằng: "Tuyên truyền Chánh pháp hay khiến cho chúng sanh được biết có chết đây thì có sanh kia, làm lành thì được phước, làm ác phải chịu họa, tu đạo đắc đạo; nhờ công đức ấy, đời sau sanh ra được trí tuệ sáng suốt thường biết túc mạng: hoặc sanh lên cõi trời thì làm thầy của chư Thiên, nếu sanh trong thế gian, thì làm vua Kim Luân thường đem pháp Thập Thiện giáo hóa trong thiên hạ; hoặc làm vị nhân vương, lấy Chánh pháp trị nước, thường biết túc mạng, vì biết túc mạng, nên tâm không buông lung.

Pháp người ở địa vị cao sang, hưởng thú vui của ngũ dục phần nhiều có ma sự đến phá hoại, cảm dỗ khiến cho người cảm tình tạo ra nghiệp ác, tuy còn làm những việc tội lỗi chịu cái quả báo ác, nhưng nhờ cái sức trí tuệ, chóng được khỏi khổ, sanh lên cõi trời, hưởng phúc vui; trí tuệ sáng suốt, dần dần tăng trưởng thành hạnh Bồ Tát; đến nhân vô sanh. Thế cho nên Phật nói rằng: "Cái công giáo hóa được phước không lường".

Thiên đế vui mừng thưa rằng: "Hay thay! Hay thay! Đúng thật như lời thầy nói thì con và chư Thiên, ngày nay mới biết tài thí và Pháp thí cái công đức nhân duyên tương có sai khác. Những người làm việc tài thí ví như một ngọn đèn soi sáng trong một nhà nhỏ. Còn việc làm Pháp thí ví cũng như ánh sáng của mặt nhật soi trong bốn châu thiên hạ, ánh sáng đến đâu thì sự mờ ám tiêu hết. Sở dĩ vì sao? Vì cái thể của mặt nhật, tánh nó tự sáng cho nên hay chiếu vật. Hòa thượng nay cũng lại như vậy. Vì cái bản thể tu tập nên được sáng suốt, lại đem trí tuệ sáng suốt đó trừ cái mờ tối cho chúng sanh".

Đương khi Thiên đế nói lời ấy rồi, thì tám vạn chư Thiên cả thầy đều đứng dậy sửa sang y phục, cung kính quỳ gối chấp tay bạch với Giả Can rằng: "Xin thầy thương xót trao cho chúng con pháp Thập thiện được nhiều lợi ích cho tất cả chúng sanh được lợi ích và cũng khiến cho Hòa thượng thêm nhiều công đức". Giả Can đáp rằng: "Hay thay! Thật người rất biết thời". Liên bảo Thiên đế rằng: "Cái pháp thọ giới thì trước hết phải sám hối cho thân, khẩu, ý được thanh tịnh. Thế nào gọi là Thân nghiệp? Nghĩa là sát,

đạo, dâm. Thế nào gọi là Khẩu nghiệp? Là vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt và ác khẩu. Thế nào là Ý nghiệp? Là tật đố, sân nhuế và tà kiến. Ấy là mười việc cấm ngăn thân, khẩu, ý ba nghiệp đừng cho phạm các việc ác đó gọi là Thập ác. Bây giờ, phải nhất tâm thành thật sám hối chừa bỏ mười điều ác, vì mười điều ác tiêu hết, thì thân, khẩu, ý được thanh tịnh, vì ba nghiệp được thanh tịnh cho nên, gọi là Thập thiện".

Thiên đế lại hỏi Hòa thượng Giả Can rằng: "Cái công đức Thập thiện quả báo ra làm sao?". Giả Can đáp rằng: "Ta từng nghe Thầy ta nói, người tu pháp Thập thiện, mà cái quả báo của pháp Thập thiện, sẽ sanh lên cõi trời Lục Dục, cung điện toàn thất bảo, ngũ dục sẵn sàng, đủ trăm món đồ ăn, và mạng sống lâu không lường; cha mẹ, vợ con, dùng lực thân quyến thuộc, xinh đẹp, sạch sẽ, hoan hỷ, khoái lạc.

Giả sử như chư Thiên tu pháp Thập thiện thọ phước, cõi trời hết nhưng cũng trở lại sanh trong cõi trời được phước báu gấp bội, chớ chẳng phải như cái quả báo Thập thiện của người đời tu đâu. Vì sao? Bởi vì người đời tu pháp Thập thiện là ba giới của tâm thật khó giữ gìn.

Một là giới bất sân. Trước phải phương tiện thực hành tâm từ, rồi sau mới có thể thành được giới bất sân. Mà người đời thực hành cái tâm từ, rất khó giữ được lâu. Ví như rạch nước, vừa rạch thì vừa hiệp, giữ giới bất sân cũng lại như thế.

Hai là giới tật đố. Giới tật đố phát ra có lúc. Thế nào là phát ra có lúc. Nghĩa là thấy người kia được lợi, thấy người kia khoái lạc, thấy người kia kia đoan chánh, thấy người kia mạnh mẽ, thấy người kia thông minh, thấy người kia tu phước. Nói tóm lại là thấy tất cả việc người hơn mình thì khi ấy cái tâm thấy hơn mình mới sanh ra tật đố. Thế cho nên phải biết rằng: Cái tâm tật đố phát ra có lúc.

Ba là cái tâm kiêu mạn. Mà cái tâm kiêu mạn kia phát ra cũng có lúc. Nghĩa là: Thấy người ngu si, thì cái tâm khởi ra sự kiêu mạn, và lại thấy người xấu xa, thấy người nhơ bẩn, thấy người nghèo khổ, nói tóm lại là thấy người đui, điếc, què, lét các căn không đủ, mừng mán, mọi rợ, thì lúc ấy cái tâm kiêu mạn mới phát khởi ra trong khi thấy. Thế cho nên phải biết rằng: Giới bất kiêu mạn phát ra có lúc.

Bởi vậy, nên người đời giữ giới tâm rất khó. Dù cho gắng giữ, nhưng thoát được thoát không. Thế nên cái quả báo pháp Thập thiện của người đời tu, dù cho hưởng cái phước ở cõi trời, nhưng cũng không bằng cái công đức

pháp Thập thiện của người trời tu, quang minh thần lực, những món ăn, uống, tướng hảo vọi vọi thứ nhất; biết túc mạng của mình cũng lại như vậy. Bởi thế nên biết rằng: "Người trời tu pháp Thập thiện thì cái quả báo hơn người đời tu".

Thiên đế bạch rằng: "Nhu lời của thầy nói người tu pháp Thập thiện ba giới của tâm thật là khó giữ, người trời cũng vậy những tánh tật đổ, sân nhuế, kiêu mạn, tà kiến các tâm như thế chưa từng không có, thì làm sao cái phước báu hơn người đời được ư?".

Giả Can đáp rằng: "Người trời tuy có, nhưng mà không phải như người đời. Sở dĩ vì sao? Vì người trời phước đức khổ ít, vui nhiều, tâm phiền não cũng nhẹ, còn người đời phước mỏng, vui ít, khổ nhiều cho nên tâm phiền não rất nặng". Thiên đế thưa rằng: "các người trời từ xưa đến nay ưa vui, tâm như con lộc, lại ví cũng như con viên hầu. Đời nay tu pháp Thập thiện, đời sau khỏi có tánh ngu si và hay quên. Nhưng mà trong khi phạm giới phải làm sao vậy ngài?". Giả Can đáp rằng : "Ta từng nghe thầy ta nói người tu pháp Thập thiện nếu rui có phạm những nghiệp ác thì phải đến vị Hiền minh phước đức tùy theo chỗ phạm của mình mà phát lồ sám hối rồi xin thọ lại, làm người được như vậy thì không mất giới. Sở dĩ vì sao? Vì giới Thập thiện đây ví như lúa mạ, còn phiền não như cỏ, cỏ cùng với lúa lẫn hại lẫn nhau. Bây giờ nếu muốn lúa tốt thì phải nhổ sạch cỏ chỉ còn một thứ lúa, thì thu hoạch được nhiều, vì lúa được nhiều thì không bao giờ bị nạn đói khát".

Khi bấy giờ, Thiên đế và tám vạn chư Thiên nghe những lời ấy rồi thật vui mừng không còn lo buồn vô thường phước hết, chịu cái quả báo trong ác thú. Lại tự nghĩ rằng: Cái công đức Thập thiện, tuy khỏi cái quả báo khổ, song còn phải có sanh tử chẳng khỏi vô thường. Kìa như có vị Thiên vương ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại thấy người tu phước ôm lòng tật đổ, làm cho người mắc nạn quên mất đường lành, khiến tạo những nghiệp ác; nhân duyên nghiệp báo nên phải chịu cái quả khổ". Liên bạch với Giả Can rằng: "Thưa Tôn sư, tu các công đức gì mà thường bắt tử và khỏi bị Ma vương nó cám dỗ vậy?".

Giả Can đáp rằng: "Ta từng nghe thầy ta nói: Người mà phát tâm Bồ đề, tu nghiệp Bồ Tát thì dù cho Ma vương Ba Tuần cũng không có thể phá hại vì tâm không mê hoặc, đời đời sanh ra được trí huệ sáng suốt, vì được trí huệ sáng suốt cho nên thường nhớ được túc mạng, vì nhớ được túc mạng nên không tạo ra những nghiệp ác, vì không tạo ra những nghiệp ác cho nên tâm được thanh tịnh, vì tâm được thanh tịnh nên đặng Pháp nhẫn Vô sanh, vì

được Pháp nhãn Vô sanh cho nên đối với Đạo không lui sụt xa lìa đường sanh tử và sự ưu hoạn khổ não".

Thiên Đế bạch rằng: "Tu đạo Bồ Tát thì nên hành pháp nào?". Giả Can đáp rằng: "Ta từng nghe thầy ta nói người muốn cầu Phật đạo thì từ nơi tâm mà phát ra, trước phải học rộng các Pháp nhân duyên, rõ được nhân duyên, thì tín tâm mới bền vững. Vì tín tâm được bền vững nên mới có thể phát ra được cái tâm tinh tấn, vì có cái sức tinh tấn nên khởi tạo ra tất cả nhân duyên nghiệp ác, vì tâm được thuần thiện nên không buông lung, vì không buông lung nên trí huệ được thành tựu; vì cái sức trí huệ được thành tựu nên thâm nhiếp được tất cả ba mươi bảy phẩm trợ đạo Bồ đề".

Thiên đế thưa rằng: "Nhu lời Thầy dạy thì ba mươi bảy phẩm nghĩa ấy rộng sâu, nếu chẳng phải là cái tâm như con lộc thì không có thể rõ được. Vậy làm sao vào đặng đạo hạnh Bồ Tát ư?". Giả Can đáp rằng: "Ta từng nghe thầy ta nói người tu đạo Bồ Tát trước phải dùng phương tiện điều phục các căn. Sao gọi là phương tiện? Nghĩa là: sáu pháp Ba La Mật và pháp Tứ Vô Lượng Tâm, gọi là phương tiện điều phục các căn".

Thiên Đế bạch rằng: "Thưa ngài! Sáu pháp Ba La Mật cái nghĩa kia ra làm sao! Cúi xin ngài nói cho". Giả Can đáp rằng: "Thứ nhất là Bồ thí. Vì bố thí nên phá được cái tâm xan tham không còn tiếc nuối. Thứ hai là trì giới, nghĩa là: Giữ các điều lành, không làm những việc ác. Thứ ba là Nhẫn nhục, nghĩa là: Gặp những việc ác mà tâm có thể nhẫn được, không ôm lòng báo thù. Thứ tư là Tinh tấn, nghĩa là: Tinh tấn hay tu hành đạo nghiệp không biếng lười. Thứ năm là Thiên định, nghĩa là: Hay thâm nhiếp tâm thần không có niệm tà. Thứ sáu là Trí huệ, nghĩa là: Tu tập trí huệ để chiếu phá vô minh phiền não tối tăm. Ấy gọi là sáu pháp Ba La Mật dùng sức phương tiện điều phục các căn. Thế nào là bốn? - Một là Từ tâm. Hai là Bi tâm. Ba là Hỷ tâm. Bốn là Xả tâm. Đó gọi là bốn việc, cũng gọi là Tứ Vô Lượng Tâm".

Thiên Đế lại hỏi rằng: "Sao gọi là Từ Tâm?". Giả Can đáp: "Thấy người khổ ách, phải dấy tâm từ đứng ra cứu hộ, đều khiến cho họ được yên ổn".

Thế nào là Bi tâm? Nghĩa là: Thấy tất cả chúng sanh bị ái vô minh nên tạo nghiệp sanh tử chịu cái khổ trong năm đường không có thể ra khỏi, thế nên chúng ta nay chớ nên biếng lười, phải thường siêng năng tinh tấn tu tập trí huệ chóng thành Phật đạo, khi đặng thành Phật đạo rồi thì đem trí huệ sáng suốt chiếu phá vô minh hắc ám cho chúng sanh khiến thấy sáng suốt, khỏi cái khổ ràng buộc. Dù chưa thành Phật nhưng ra làm tất cả nghiệp lành

đều hồi hướng cho chúng sanh. Khiến cho chúng sanh được yên vui. Chúng sanh có tội thì ta phải chịu thay thế. Đó gọi là "Bi tâm".

Thế nào là Hỷ tâm? Như thấy người đời tu hành Thiện nghiệp, cầu quả Tam thừa khuyến khích giúp đỡ tùy hỷ, thấy người hưởng vui, tâm mình cũng tùy hỷ, thấy người đoan chánh, thấy người mạnh khỏe, thấy người giàu sang, thấy người trí huệ, thấy người từ tâm, thấy người hiếu thuận. Nói tóm lại, là thấy tất cả người làm việc phải rồi khuyên lớn tùy hỷ, đó gọi là "Hỷ tâm".

Sao gọi là Xả tâm? Phàm ra làm tất cả công đức, làm ân huệ cho người mà không trông cầu công đức, làm ân huệ cho người mà không trông cầu quả báo đời sau và đời sau nữa, đó gọi là "Xả tâm", thành tựu được bốn việc nên gọi là Tứ Vô Lượng Tâm. Bởi chúng sanh vô lượng, nên Bi tâm cũng vô lượng. Bởi chúng sanh vô lượng, nên Hỷ tâm cũng vô lượng. Bởi chúng sanh vô lượng, nên Xả tâm cũng vô lượng. Thế nên gọi là Tứ Vô Lượng Tâm luôn với sáu pháp độ trước, cộng gọi mười pháp Ba La Mật. Mười pháp Ba La Mật tóm thâu tất cả đạo hạnh Bồ đề".

Khi đó trời Đế Thích nghe Giả Can nói nhân duyên công đức pháp tu Thập thiện và lại nghe nghĩa thú nhân duyên của vị Bồ Tát tu đạo Bồ đề thì mới hết chỗ nghi, vui mừng khắp khởi rung động cả thân tâm; tức thời cùng với tám vạn chư Thiên hầu hạ liền đứng dậy sửa sang cung kính chấp tay bạch với Giả Can rằng: "Thưa Tôn sư! Ngày nay đệ tử và tám vạn chư Thiên nhất tâm đồng thời phát tâm Bồ đề, vâng làm đủ đạo hạnh Bồ Tát như lời thầy dạy. Cúi xin Hòa thượng tùy hỷ nói cho". Giả Can đáp rằng: "Người thật đã biết thời như vậy là đúng với cái bản tâm hy vọng của ta".

Bấy giờ, Thiên đế bạch Giả Can rằng: "Thưa Hòa thượng! Hòa thượng ăn uống pháp dùng thế nào? Cúi xin dạy bảo để cho chúng con sửa sang cúng dường". Giả Can đáp rằng: Thức ăn của ta người nghe không hợp. Vì sao? - Bởi tội nghiệp nhân duyên cho nên những món ăn của ta rất là bất tịnh (*như bản*) hình giống như súc sanh chẳng khác nào ngựa quỷ, tốt hơn là đừng hỏi đến món ăn kia". Thiên đế bạch rằng: "Thưa Hòa thượng! Hòa thượng ăn uống dù tốt cũng nên nói, dù xấu cũng phải nói, để đệ tử con nay sẽ tùy theo chỗ thích hợp sửa sang cúng dường".

Giả Can đáp rằng: "ta từng ăn những phần của sư tử hổ lang, và ăn xương cốt, vải rách, thịt nát của người chết trong gò mả, rui gập con đói khát

mà không được, có những món ăn như vậy, thì cũng ăn bần đất; tội khổ quá báo suốt đời cho đến khi chết. Tuy đồ ăn bất tịnh mà chưa từng no đủ".

Khi ấy, vị Thiên đế Thích cùng cả chư Thiên nghe Giả Can nói thức ăn uống ấy, rồi buồn thương cảm cách đau lòng rơi lệ, bạch với Giả Can rằng: "Đệ tử ý muốn dọn mâm cỗ để sửa sang cúng dường. Nhưng theo lời thầy nói thì chỗ sở nguyện không mãn, không biết làm sao được. Đệ tử con nay trở về Thiên cung phải làm phương pháp gì để trả ơn nặng cho thầy". Giả Can đáp rằng: "Như quý ngài đây, theo ta nghe pháp, khi trở về cõi trời, lần lựa giáo hóa khai ngộ chư Thiên chẳng luận nam nữ nhân đến một người khiến cho tín thọ vâng làm, thì của những trả ơn cho ta mà thôi mà cũng là trả ơn tất cả chư Phật. Tùy thuận giáo hóa mà tự thêm lớn phước đức chư Thiên, huống chi là cái phước báu giáo hóa khai ngộ nhiều người thì công báu vô lượng".

Chư Thiên đứng dậy bạch với Giả Can rằng: "Đệ tử chúng con từ nay trở về Thiên cung, nhưng không biết Hòa thượng chúng nào mới bỏ cái thân tội báo đây, để được sanh lên cõi trời cùng con thầy nhau?". Giả Can đáp rằng: "Ta hẹn trong bảy ngày sẽ bỏ thân tội này, rồi sanh lên cõi trời Đâu Suất. Vậy các người cũng nên nguyện sanh về cõi trời ấy. Là vì sao? Bởi cõi trời Đâu Suất phần nhiều có các vị Bồ Tát thuyết pháp giáo hóa cho những người trời muốn cầu Phật đạo". Thiên đế thưa rằng: "Như lời thầy dạy, đệ tử chúng con ở cõi trời Đao Lợi chùng phước hết, mạng chung đều sẽ nguyện sanh lên cõi trời Đâu Suất kia, con cùng thầy thấy nhau để theo hầu hạ nhờ thầy dạy bảo, đúng như thề nguyện hôm nay vậy". Chư Thiên nói xong liền dùng hương hoa ở cõi trời rải trên mình Giả Can rồi từ biệt lui đi. Chư Thiên đi rồi Giả Can vẫn ngồi một chỗ nhất tâm chuyên niệm pháp Thập thiện, không đi kiếm ăn, đến bảy ngày mạng chung, sanh lên cõi trời Đâu Suất làm con vị Thiên vương, còn nhớ được túc mạng lại đem pháp Thập thiện giáo hóa chư Thiên.

Bảy giờ, Phật bảo Đại vương rằng: "Đại vương phải biết Giả Can hồi đó tức là thân Ta bây giờ. Vị trời Đế Thích hồi đó, tức là Xá Lợi Phất nay đây. Giáo thọ Đại sư Ưu Ba Đạt của vua A Dật Đa hồi đó tức là ngài Di Lặc ở cõi trời Đâu Suất bây giờ. Còn tám vạn chư Thiên tức là tám vạn Bồ Tát ở ngôi bất thối trong cõi Ta Bà quốc độ này". Phật giáo lại bảo Đại vương rằng: "Ta còn nhớ thuở xưa, Ta vừa mới phát tâm tu đạo Bồ đề nhân đến Pháp nhân Vô sanh ở trong khoảng thời gian ấy Ta thường cùng với Di Lặc, Xá Lợi Phất v.v... Vì câu pháp nên Ta siêng năng tinh tấn không đoái đến thân mạng theo dõi Minh sư, gần gũi hầu hạ, tinh nghiêm học vấn thành tựu được trí

huệ; vì nhờ sức trí huệ, nên ở trong năm đường tùy sanh ra chỗ nào đều giáo hóa thành tựu vô lượng chúng sanh, khiến cho chúng sanh được khỏi khổ cho đến khi thành Phật; đều nhờ Bát Nhã trí huệ phương tiện mà đoạn trừ tất cả nhân duyên kiết tập, thành bậc Chánh đẳng Chánh giác; rồi lại đem trí huệ ở trong cõi Ta Bà quốc độ này giáo hóa chúng sanh khiến khỏi cái khổ trong ba cõi. Thế cho nên Ta nói Bát Nhã trí huệ có bốn danh nghĩa".

Khi bấy giờ, vua Ba Tư Nặc và cả quyến thuộc nghe Phật nói rồi thì tâm ý mở tỏ liền đứng dậy làm lễ vui mừng khắp khởi: Đứng chấp tay bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn! Hôm nay con gặp Phật được nhiều thiện lợi; nghe Phật nói pháp không biết chán nản. Sở dĩ vì sao? Vì Đức Thế Tôn trước nói bốn pháp Chơn Đế và pháp Thập Nhị Nhân Duyên là cái đạo xuất thế gian, nhưng vì căn tánh ám độn mê man không hiểu, do vì không hiểu cho nên thân thể mỗi mệt. Nay nghe Phật nói cái pháp tu của Bồ Tát; tuy chưa hiểu hết song lòng con rất ham mộ khao khát muốn nghe tâm không nhàm đủ. Đề từ nay muốn phát tâm Bồ đề, cầu đạo Vô thượng. Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót hứa cho và dạy bảo pháp tu theo Bồ Tát để cho chúng con y theo pháp tu hành".

Phật bảo vua rằng: "Này Đại vương, pháp tu Bồ Tát như trên đã nói rõ. Thân, khẩu, ý nghiệp làm theo mười điều lành và pháp Ba La Mật tóm thâu tất cả pháp trợ Phật đạo, Đại vương có thể làm được không?". Vua đáp rằng: "Như lời của Thế Tôn nói pháp tu Thập thiện và ba giới của tâm thật rất khó giữ gìn, phải làm thế nào thọ rồi đừng cho quên mất?".

Phật bảo vua: "Tâm người đời như con lộc lại cũng thí như con viên hầu, vì bị những ngọn gió phiền não thổi rung động, thế nên muốn tu pháp Thập thiện không đặng chậm trễ vậy. Tu pháp Thập thiện phải có hạn trong ba thời. Sao gọi là ba thời? Nghĩa là sáng sớm đến bữa ăn gọi là thượng thời; ăn xong một bữa gọi là trung thời; đi một bước là hạ thời. Thọ pháp Thập thiện tùy theo chỗ lãnh được pháp nào, ở trong thời đây toan giữ tâm mình, ba giới cho bền vững đừng cho lọt mất, thế nên gọi là pháp tu Thập thiện".

Vua nói rằng: "Như Thế Tôn nói cái công đức tu Thập thiện hạn trong ba thời rất ít, thì làm sao sanh được phước?". Phật bảo vua rằng: "Người tu pháp Thập thiện, thời giờ ngắn mà công đức rất nhiều. Vì sao? Vì ba giới của tâm rất khó giữ gìn, tuy giữ gìn trong giây lát mà được quả báo vô lượng, thí như có người ở trong trăm năm chắt đóng củi rơm, dùng lửa đốt đó thì trong giây phút, thầy đều cháy hết".

Thế cho nên phải biết rằng: "Tu pháp Thập thiện thời giờ rất ít mà có thể diệt được vô lượng tội trọng ác nghiệp. Như người dò lửa chuyên cần dụng lực trong giây phút được lửa, mà công lực của lửa ấy có thể đốt cỏ cây rừng bụi trong thiên hạ chỉ trong chốc lát đều cháy sạch. Đại vương phải biết, người tu pháp Thập thiện cũng lại như thế. Vì tu trong giây phút mà có thể diệt hết vô lượng tội trọng ác nghiệp; và hay khiến cho người tu nứt mộng Bồ đề. Mầm mộng Bồ đề đã nứt nảy dần dần thêm lớn cho đến khi thành Phật quả".

Vua nghe Phật nói lời ấy rồi liền đứng dậy làm lễ tất cả vui mừng đặng chưa từng có. Bèn bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Thưa Thế Tôn! Đệ tử con nay được nhiều thiện lợi. Sở dĩ vì sao? Bởi nghe Đức Thế Tôn nói nhân duyên công đức tu pháp Thập thiện hay khiến cho chúng sanh thành tựu mộng Bồ đề. Đệ tử con nay, chí thích Bồ đề sẽ siêng năng tu hành, tâm không lui sụt".

Khi Phật nói xong, những kẻ theo hầu vua như quần thần, quan dân, hậu cung, thể nữ, Phu nhân cùng bốn bộ đệ tử Thiên long, Quỷ thần, Nhơn và Phi nhơn v.v... hơn năm nghìn người phát tâm cầu đạo Vô thượng Bồ đề.

Khi ấy, vua Ba Tư Nặc và bà Đại Phu nhân hễ lúc ra vào đi đến, cũng thường sai bốn người sức lực rất mạnh tên là Phiến Đề La; sai bốn người này khiêng kiệu cho Hoàng hậu. Hoàng hậu ngồi trên kiệu bằng thất bảo để ở ngoài Tinh xá Kỳ Hoàn, bảo các người Huỳnh môn canh gác, các người Huỳnh môn giao lại cho bốn người Phiến Đề La còn mình thì đến chỗ Phật nghe pháp. Bốn Phiến Đề La đều nằm dưới kệ ngủ mê không hay chi cả, lúc đó có kẻ hung nhân trộm lấy ngọc ma ni châu trên kiệu báu của hoàng hậu.

Khi ấy, các người Huỳnh môn tạm ra xem kiệu nhưng không thấy bảo châu, trong lòng kinh hãi sợ Hoàng hậu quở trách, liền bảo bốn người Thạch nữ rằng: "Ta sai các người coi chừng kiệu có sao trộm lấy ngọc bảo châu". Trong bốn người thưa rằng: "Thật chúng tôi không thấy". Huỳnh môn nổi giận lấy roi đánh các người Thạch nữ đau nhức thấu xương, trong đó có một người Thạch nữ biết mình không có trộm mà chịu oan bèn bỏ tuôn chạy xen vào Tinh xá la to kêu oan. Mọi người nghe nhưng không biết việc chi.

Phật bảo A Nan: "Người hãy đi đến chỗ các người Huỳnh môn kia, bảo đừng đánh oan cho người vô tội. Vì sao thế? Vì bốn người Thạch nữ ấy chính là thầy đời trước của Hoàng hậu. Chúng đã là kẻ vô tội, vì sao bị đánh đập; đó là tự gây nhân duyên nghiệp ác cho đời sau". Bấy giờ Hoàng hậu

nghe Phật nói lời ấy rồi, liền đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói té ra bốn người Thạch nữ khiêng kiệu cho con đây, chính là thầy đời trước của con. Nhưng vì con mê muội nên không rõ, cúi xin Thế Tôn giải bày những nhân duyên ấy, cho các người trong hội đây đều được nghe biết?". Phật bảo: "Hoàng hậu kêu các người Thạch nữ đến trước Thế Tôn để Ta nghiệm xét chỗ hư thật".

Hoàng hậu vâng mạng liền sai Huỳnh môn bắt hết đem đến; khi ấy bốn người Thạch nữ vừa trông thấy Phật cúi đầu rơi lụy, quỳ gối chấp tay, Bạch Thế Tôn rằng: Thật con không có trộm lấy ngọc châu, nhưng không biết vì lẽ gì bắt oan tội ấy, đánh đập làm thân thể con tan nát". Đức Thế Tôn đáp: "Tội nghiệp nhân duyên tự thân mình gây tạo ra, chớ không phải cha mẹ làm tội".

Bấy giờ, cả chúng Bồ Tát vô lượng ức người, ở trên hư không trong tâm đều vui mừng, rải các hoa hương tươi đẹp vô cùng, để xông sạch các uế trước trần lao cho chúng sanh. Thiên vương ở cõi trời Tự Tại cũng rất vui mừng, ở trên không và ngàn ức chúng đều hết lòng cung kính rải các diệp y; các trời Phạm Thiên lặng lẽ, lấy làm quý lạ, đồng nhất tâm tự quy. Các vị Tiên nữ tư dung tươi đẹp vô cùng, đánh các thứ kỹ nhạc, trăm ức triệu người cũng lại làm lễ. Cả thấy đều diễn ra những lời tuồng như quyến thuộc của Đức Thế Tôn ngồi khắp cõi Phật. Những hào quang tỏa đều chiếu các cõi; bao nhiêu triệu ức thân, bao nhiêu hào quang nhu nhuyễn, bao nhiêu pháp giới không có chỗ nào mà không thông suốt cả, Đức Như Lai là bậc chí chơn, mỗi một chân lông phóng ra một tia hào quang. Hào quang ấy sáng tỏ diệt hết những trần cấu của chúng sanh, những bụi trần ở các cõi nước, còn có thể đếm số được mà số người trong chúng hội đây không thể đếm được.

Có khi thấy thân Phật, các tướng nhiệm màu mà cũng như thấy các vị Chuyển Luân đi lại các nước làm những việc cao thượng, rất tốt tuyệt vời, hoặc có người thấy các vị Thánh nhân, hoặc thấy các vị Đại Thần lớn ở cõi trời Đâu Suất hiện xuống mẫu thai, rồi lại sanh ra; tuy ở trong thai cũng hiện ra vô số ức cõi nước, hễ Ngài sanh ra chỗ nào thì chỗ ấy hiện thành cõi Phật. Cái bản nguyện của bậc Đại sư là vì chúng sanh mà phải xuất gia tu thành Phật đạo, thành bậc tối Chánh Giác, vận chuyển pháp luân, hiện ra các cõi Phật, vô số ức cõi vì cũng như thầy huyền sư, học giỏi nghề chú thuật, tùy theo thọ mạng đến đâu hiện ra vô số pháp; chỗ trí tuệ tu học của Đức Thế Tôn cũng như vậy.

Là vì chúng sanh nên phải xuất gia, ở trong cảnh rỗng rang vắng lặng, vẫn là vô tướng, các pháp bình đẳng, cũng như hư không; giáo giới của Phật rất lợi ích. Vốn ở trong chỗ không mà hiện ra chỗ có, rất nhiệm màu. Phật đi đến chỗ nào thì chỗ ấy được yên ổn, đó đều là tự nhiên thương xót chúng sanh; nên nói ra kinh điển là tướng của tất cả pháp nhưng thấy cái tướng của tất cả pháp đều bình đẳng đệ nhất vô tướng, các nghĩa của Thế Tôn theo chỗ Thánh huệ của Ngài, đều bỏ các hình tướng hữu tướng và vô tướng, rõ các hình tướng đều bình đẳng, mau được thành tựu ngôi ở trước mọi người diễn ra những tiếng tăm như vậy, triệu ức vô cùng lời nhân từ hòa nhã, ở đời thì hàng phục các loài ma Thiên nữ.

Do Ngài biết trong chúng hội chí chơn vắng lặng, như mặt trăng sáng tỏ, chiếu diễn ra bao nhiêu phạm; thời các hàng Phật tử tu tập theo, sự nghiệp của bậc Đại thừa thì cần nêu ra làm các công quân sự nghiệp cho mọi nhà, để ai nấy được thấy điềm lành đem đến, trong tâm rất vui mừng, Thánh huệ của bậc Đại nhân, ca tụng vang rền từ trên trời rơi xuống; những người làm lành hay làm ác đến khi thọ báo cũng có khổ có vui, như vang dội tiếng, cũng như tham lợi hiện tiền tâm làm việc tà siểm, không biết có đời sau, nhiều kiếp chịu khổ. Và luận ác từ nơi tâm sanh ra, trở lại hại mình, cũng sắt sanh ra sét, sét tự tiêu mòn hình thể của sắt.

Bấy giờ, vua lại vòng tay bạch Phật: "Bạch Đức Thế Tôn, từ trước đến nay, thuyết pháp đều có nhân duyên. Nay bốn người Thạch nữ đây, bốn nguyện đời trước có nhân duyên gì? Xin Phật vì con và đại chúng giải nói để khai ngộ cho kẻ mờ ám được hiểu, thêm nhiều lợi ích và mọi người được nhờ cậy".

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CHƯA TỪNG CÓ HẾT QUYỀN TRƯỚC

---o0o---

QUYỀN SAU

Đời Tiêu Tề, Ngài Tam Tạng Sa môn THÍCH ĐÀM CẢNH dịch

Phật bảo vua rằng: "Muốn nghe rất hay, hãy để lòng lắng nghe Ta vì người chỉ vẽ nói cho".

Phật lại nghĩ rằng: "Trong Chánh pháp của Ta có các thầy Tỳ - kheo, lời nói, việc làm, không giống nhau, ý nghĩ miệng nói trái nhau. Song cũng xuất gia học đạo, hoặc vì lợi dưỡng, tiền tài ẩm thực; hoặc vì tiếng khen và muốn đông nhiều bà con; hoặc có người nhầm chán pháp vì Vua sai khiến mà đi xuất gia học đạo; chớ không có tâm cầu ba pháp môn giải thoát để khỏi cái khổ trong ba cõi; đem tâm bất tịnh thọ cúng dường; không biết rằng đời sau nhiều kiếp chịu khổ đền bù nợ trước; vì những lẽ ấy đâu không nói sao được".

Phật bảo vua rằng: "Ta nhớ hồi quá khứ từ vô số kiếp có một nước lớn tên là Bù Phiến Xà, có một nữ nhân tên là Đề Vi cũng là giòng giống Bà-la-môn; chồng chết ở góa, nhà rất giàu mà không con cái, lại không cha mẹ, cô cút quạnh hiu không ai nhờ cậy. Theo phép Bà-la-môn: nếu việc chi không được như ý liền sanh ra sự thiêu thân".

Các thầy Bà-la-môn thường thường rủ nhau đi đến nhà Đề Vi mà giáo hóa rằng: "Các việc khổ đời nay đâu không bởi tội nghiệp đời trước của ngươi. Sao gọi là tội? Nghĩa là bởi không cung kính các thầy Bà-la-môn; không hiếu thuận cha mẹ, chồng con; lại không có từ tâm nuôi dưỡng con cái; những tội như thế nên đời nay cô quạnh chịu khổ. Ngươi nay nếu không tu phước cho hết tội thì đời sau chịu khổ đến nỗi đọa vào địa ngục; đương khi đó làm sao ăn năn cho kịp".

Bà Đề Vi hỏi rằng: "Phải làm phước gì được hết tội cho ư?".

Các thầy Bà-la-môn nói rằng: "Muốn hết tội có hai cách. Một là: người tội nhẹ thì tự tay gội đầu, lấy nước thơm tắm gội rồi vào trong Thiên Miếu sám hối từ tạ với trời Na La Diên; thỉnh đủ một trăm thầy Bà-la-môn thiết đãi ăn uống, ăn uống xong rồi lại dùng một trăm con bò cái mới đẻ con mà dâng cúng cho các thầy Bà-la-môn vậy sau sẽ hết tội. Sở dĩ vì sao? Vì các thầy Bà-la-môn là người tịnh tu phạm hạnh, không ăn tửu nhục, hành, tỏi... ngũ vị tân, chỉ dùng sữa bò để làm thức ăn, khiến nhà thí chủ đàn việt hết tội sanh phước, đời đời sanh ra sở nguyện tòng tâm.

Như người nay tội nặng phải lấy tất cả đồ quý báu chỗ có trong nhà mà cúng thí cho năm trăm thầy Bà-la-môn. Các thầy Bà-la-môn đặng của cúng thí rồi sẽ vì đó mà chú nguyện khiến cho đời sau thường đặng giàu to. Hai là: người nào muốn hết tội nặng thì nên đến bên sông Hằng, chắt củi tự thiêu; các thầy Bà-la-môn sẽ lại chú nguyện, khiến cho đời trước người chồ tạo tất cả tội nặng nhẹ, đồng thời tiêu hết, đời sau sanh ra không còn cái khổ

sống lâu không lờng, khoái lạc không cùng, cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái vui vầy sum họp".

Khi ấy bà Đề Vi liền ưng thuận, theo quyết định nhất tâm sẽ tự thiêu thân, bèn sai tôi tớ trong nhà đem mười cỗ xe vào trong núi đốn củi để làm phép thiêu thân.

Khi bấy giờ, trong nước có một vị Đạo nhân tên là Bát Đề Bà tinh tấn tri giới, đa văn trí huệ thường đem từ tâm giáo hóa thiên hạ khiến ai ai cũng cải tà quy chánh, bỏ dữ làm lành. Ngài nghe đồn bà Đề Vi muốn tự thiêu thân sanh lòng thương xót, đi đến chỗ kia hỏi bà Đề Vi rằng: "Sắm sẵn củi lửa muốn làm việc gì?".

Bà Đề Vi đáp rằng: "Muốn tự thiêu thân để diệt hết tội khổ". Biện Tài nói rằng: "Tội nghiệp đời trước tùy theo tinh thần không theo với thân, thiêu thân chịu khổ mà nào được hết tội".

Luận như người họa phúc từ tâm mà có; hễ tâm niệm thiện, hưởng cái quả báo thiện; hễ tâm niệm ác, thì chịu cái quả báo ác, tâm niệm khổ vui, thì chịu cái quả báo khổ vui. Ví như người chết đói thì làm quỷ đói; người chết khổ não thì chịu cái quả báo khổ não; người chết hoan hỷ thì chịu cái quả báo hoan hỷ; an ổn khoái lạc quả báo cũng như vậy. Người nay làm sao ở trong vòng khổ não, mà muốn hết tội, mong được cái quả báo lành. Rất là vô lý? Thôi! Đừng làm tốt hơn!

Lại này nữa Đề Vi, như người bệnh khổ trong khi bị khổ ép bức, nếu có người ác đi đến chỗ đó mắng nhiếc người bệnh, rồi lấy tay xách lỗ tai. Vậy đối với ý người nghĩ sao? Người bệnh lúc ấy, dù có thiện tâm, nhưng khỏi buồn giận chăng?".

Đề Vi đáp rằng: "Người bệnh khổ kia lúc chưa thấy ai, còn ôm lòng buồn rầu, huống chi bị xách lỗ tai, mà hòng không giận".

Biện Tài đáp rằng: "Người nay cũng như vậy. Vì tội đời trước nên nay phải cùng khổ quạnh hiu thường ôm lòng lo buồn, lại muốn đốt thân, lìa khỏi sự buồn khổ, đâu có thể được ư? Ví như người bệnh khổ, bị người mắng nhiếc thì càng thêm khổ não, trăm ngàn vạn tội. Huống chi là khi thiêu thân, lửa dữ bốc cháy, thân thể cháy tiêu, trong khi hơi thở chưa dứt, tâm chưa hư hoại; đương khi thân tâm bị đốt đó, thần thức chưa lìa, cho nên chịu khổ não tâm buồn phiền muộn, từ đó mạng chung, sanh trong địa ngục,

chịu cái khổ trong địa ngục, càng thêm thảm kịch, gấp trăm ngàn vạn phần cầu ra không khỏi; huống chi là muốn thiêu thân để cầu lìa hết khổ?!

Lại nữa này Đề Vi, thí như con trâu kéo xe nhàm chán sự mệt nhọc, muốn phá cho hư xe nhưng xe trước nếu hoại thì xe kết sau đó lại trùng ách vào cổ, vì tội trâu chưa hết. Người nay cũng lại như vậy. Dù cho thiêu hoại trăm ngàn muôn thân, song tội nghiệp nhân duyên tiếp nhau không dứt. Ví như những người ở trong địa ngục A Tỳ bị thiêu đốt, trong một ngày tám muôn lần chết, tám muôn lần sống, trải qua một kiếp rồi, tội kia mới hết. Huống chi người nay mà đốt thân một lần, mà muốn cầu hết tội, đâu lý đặng ư?".

Khi bấy giờ, Biện Tài mỗi món nhân duyên vì nói Chánh pháp. Đề Vi nữ nhân, tâm ý mở tỏ, liền đổi chí nguyện hết nghĩ thiêu thân, thưa với ông Biện Tài rằng: "Vậy con phải làm phương pháp gì mới hết tội?". Ông Biện Tài đáp rằng: "Tâm trước tạo ác ví như đám mây che phủ mặt trăng tâm sau khởi thiện, thì cũng như cây đuốc sáng, làm cho tiêu hết bóng tối. Người nay may có cái ý muốn hết tội, thì sẽ có phương tiện, nay có thể khiến cho người, không tốn một đồng tiền, nhãn đến không bị một chút khổ, diệt hết tội khổ, hiện đời được yên ổn, đời sau sanh ra chỗ nào, thì thiện nguyện từng tâm".

Bà Đề Vi nghe rồi, tâm rất vui mừng, sợ hãi liền dứt, như người tù mắc tội nặng, mong được ân xá ra khỏi, bèn đứng dậy sửa sang cung kính lễ bái hỏi han, lại dạy những người trong nhà, sửa dọn một cái tòa cao, có đủ mền nệm khảm đệm gấm nhiều, hàng lụa tôn nghiêm bậc nhất, rải hoa đốt hương, cầu thỉnh ông Biện Tài lên tòa cao. Ông Biện Tài thọ thỉnh liền lên tòa. Lúc Đề Vi nữ nhân cùng cả quyến thuộc trong nhà có hơn năm trăm người, nhóm lại đi nhiễu xung quanh ông Biện Tài rồi cung kính cúi đầu chấp tay. Đề Vi nữ nhân thưa với ông Biện Tài rằng: "Vừa nghe lời thầy nói sự hết tội, tâm con rất vui mừng, nhưng tâm còn có chút nghi. Cúi xin thầy nói cái pháp trừ tội, để cho con y như pháp mà tu hành". Ông Biện Tài nói rằng: "Nguyên do tạo tội là ở nơi thân, khẩu, ý. Thân có ba nghiệp không lành là: Sát, đạo, dâm. Miệng có bốn nghiệp không lành là: Vọng ngôn, ỷ ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu. Ý có ba nghiệp không lành là: Tật đố, sân nhuê, kiêu mạn, tà kiến, ấy là mười nghiệp ác, phải chịu cái quả báo ác. Nay người phải nhất tâm thành thật sám hối; dù cho đời nay có những tội như vậy, nay đều sám hối tất cả thì được khỏi tội và hết tội".

Người phải lập cái lời thệ, từ đây về sau không dám tái phạm và vì tiền nhân, cha mẹ, anh em với chồng của chúng con, chỗ có tội lỗi, con nay nhất tâm sám hối, bỏ dữ làm lành, chỗ có phước đức nhân duyên đều thí cho tất cả chúng sanh chịu khổ, khiến cho được yên vui, nếu chúng sanh có tội con xin chịu thay thế.

Lại lập lời thệ rằng: "Ngày nay con nhờ cải tà về chánh, hối tội tu phước, do nhân duyên đây, bỏ thân này, thọ thân khác, cho đến khi thành Phật thường gặp Minh sư, gặp Thiện tri thức thọ mạng không lường, thường cùng cha mẹ, chồng vợ, con cái sáu thân quyến thuộc, thường giúp đỡ nhau, không bị khô hoạn như ngày hôm nay vậy". Ông lại bảo Đề Vi nữa rằng: "Những pháp như thế đều là cái pháp Hối quá diệt tội".

Bấy giờ, Đề Vi và cả quyến thuộc, đối với ông Biện Tài, quỳ gối chấp tay thưa với ông Biện Tài rằng: "Đệ tử thưa với ông Biện Tài rằng: "Đệ tử chúng con vâng lời thầy dạy bảo, đã như pháp sám hối rồi; vậy cúi xin thầy dạy chúng con pháp lành khác, chúng con sẽ siêng năng vâng làm, để tăng thêm công đức". Ông Biện Tài bảo rằng: "Người nay phải thành tâm quy Phật, quy Pháp, quy Thầy - khéo Tăng, nói như vậy ba lần".

Nói nay con trọn đời vâng lãnh pháp Thập thiện và nói như thế này: Đệ tử con pháp danh là... từ nay đến trọn đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm ấy là Thiện nghiệp của thân. Không vọng ngôn, không ỷ ngữ, không lưỡng thiệt, không ác khẩu ấy là Thiện nghiệp của khẩu. Không tật đố, sân nhuế, kiêu mạn, tà kiến ấy là Thiện nghiệp của ý. Thế nên gọi là Thập thiện giới pháp.

Khi bấy giờ, ông Biện Tài truyền trao cho bà Đề Vi pháp Thập thiện rồi thì bà Đề Vi và cả quyến thuộc, vui mừng khắp khởi, hết lòng phụng hành, nữ như Đề Vi lại vì thiết đãi đủ trăm thức đồ ăn uống, và bao nhiêu của quý rồi, đối trước ông Biện Tài quỳ gối chấp tay thưa rằng: "Cúi xin thầy gia tâm thương xót giáo hóa, nay con sẽ vì thầy dựng lập cung xá, tùy theo chỗ thích hợp trọn đời phụng sự thầy". Ông Biện Tài đáp rằng: "Người nay đã có thể bỏ tà về chánh, tròn tu pháp Thập thiện, làm con vị Pháp vương. Vậy thì người nên đem pháp Thập thiện, giáo hóa trong thiên hạ cũng gọi là đền trả ơn nặng cho thầy rồi. Người nay đã đắc độ rồi, ta không cần phải ở lại ta nay còn phải đi đến chỗ khác giáo hóa nữa".

Lúc bấy giờ, Đề Vi biết thầy không ở lại, liền đem xe chở những của báu trong kho, đem dâng cho thầy, mong thầy nhận lãnh. Song ông Biện Tài

không thọ mà từ tạ lui đi. Khi đó, Đề Vi tự tâm nghĩ rằng: "Cái sự giúp sống cho ta ngày nay đâu không nhờ Tôn sư Hòa thượng khai ngộ mới đặng thành tựu, ơn nặng dạy bảo, nếu thỉnh không ở lại và cũng không thọ của báu thì phải làm sao?". Buồn cảm thương tâm, đôi hàng giọt lệ, cúi đầu từ tạ phân tách ra đi. Sau khi ông Biện Tài đi rồi, nữ nhân Đề Vi cùng cả quyến thuộc hơn năm trăm người thường đem pháp Thập thiện lần lượt cùng nhau giáo hóa trải qua nhiều ngày.

Khi bấy giờ, trong nước bỗng gặp gạo mắc, nhân dân đói khát, khi đó có năm vị Tỳ - kheo, lười biếng giải đãi, không tham học hỏi giáo lý, kinh luật, lại không chuyên tu, trì giới, tinh tấn, nên người đời khinh dễ không cúng dường, nghèo cùng khổ không có kế gì sống được. Năm người bàn rằng: "Vả luận người ta mưu sống, tùy thời thay đổi hình dạng, mạng người rất chí trọng, không lẽ chịu chết". Mỗi người đều đi xin, sắm được tọa cụ, giường dây, tìm chỗ đồng trống quét dọn sạch sẽ, rải hoa, treo tràng phan rực rỡ y theo thứ lớp mà ngồi; ngoài thân giả bộ như thiên tướng, trong tâm thì tà trực. Người đời trông thấy đó tưởng là Thánh nhân, đem đến cúng dường trăm thứ đồ ăn uống, xúm lại cúng dường; thế là năm người no đủ có dư.

Khi bấy giờ, bà Đề Vi nghe việc ấy rồi liền sai người dò hỏi. Người đi dò tin rồi về thưa rằng: "Có năm vị Thánh nhân ngồi riêng trong núi, người ta xúm lại hầu hạ như hầu hạ vị Thiên thần".

Đề Vi nghe rồi, trong tâm rất hoan hỷ, mà tự mừng rằng: "Nguyên ta đã mãn vậy". Đoạn sáng mai sai người sắm sửa bảo xa, hương hoa kỹ nhạc, trăm thứ thức ăn đi đến chỗ năm thầy Tỳ - kheo.

Đề Vi đến đó rồi làm lễ hỏi han, thiết đãi cúng dường; ăn uống xong. Đề Vi và quyến thuộc cung kính chấp tay thưa với năm thầy Tỳ - kheo rằng: "Đức thầy rất lớn, bậc Vô thượng phước điền chúng sanh nhờ cậy, không dám tự khinh; theo ý ngu kẻ Đệ tử này muốn thỉnh Tôn linh, quang lâm đến bàn xá, để tỏ chút lòng thành cúi xin thương xót, giúp kẻ quân sanh; đệ tử cũng có vườn cây thanh tịnh, suối trong ao tắm, đẹp đẽ tươi sáng".

Bà Đề Vi và cả quyến thuộc, cúi đầu đôi ba lần cầu thỉnh. Khi ấy năm thầy Tỳ - kheo biết bà chí thành mới hứa chịu đó. Đề Vi hoan hỷ từ tạ trở về nhà, sai người chng dọn xe báu, đến rước năm thầy Tỳ - kheo về nhà để cúng dường. Nữ nhân Đề Vi có vườn cây tốt đẹp, cách nhà không bao xa. Miếng vườn kia vuông vức được mười mẫu, trong đó có suối trong, ao tắm

hoa thơm quả lạ, lại có những thứ chim rất đẹp như là: chim Giao tịnh, chim Oan ương; ở trong phòng kia dựng lập phòng nhà, xây đắp bằng bẫy bấu, trong phòng nhà kia sắm đủ giường nằm chiếu nệm và những tọa cụ tốt đẹp, thơm sạch bậc nhất, rồi mời thầy Tỳ - kheo về ở trong đó. Nữ nhân Đề Vi trọn đời cung cấp phụng sự, mùa nào thức nấy đồ ăn uống, thuốc thang cúng dường hầu hạ không sai thời giờ.

Khi ấy, năm thầy Tỳ - kheo đã được chủ nhân ân hậu cúng dường, an ổn sung sướng mà tự nghĩ rằng: "Có gì yên ổn cho bằng. Luận như người sanh ra ở đời phải dùng đủ thứ phương thế tìm kiếm tiền của để giúp con nghèo ngặt; tuy đặng như ý nhưng cũng không bằng bọn chúng ta, đã chẳng nhọc thân mà lại được hưởng phước lộc, đâu không nhờ sức trí huệ đó hay sao?"(1)

Năm thầy Tỳ - kheo kia xét thấy chủ nhân hết lòng trọng đãi, mới cùng nhau bàn rằng: "Tuy đặng chủ nhân tùy nghi cúng dường mỗi ngày giàu to nhưng tính đến năm nghèo như cái năm đói rét, thì không có thể giúp cho người được giàu vui; vậy bọn ta phải ra phương tiện để tìm kiếm tiền của, dành dụm thời sau mà hưởng cái sự vui ngũ dục".

Bàn như thế rồi, liền cùng nhau thay đổi, sai một người đi dạo trong các làng xóm, rao nói với các người, xướng cái lời như thế này:

"Bốn thầy Tỳ - kheo kia, yên ở một chỗ vắng lặng giữ gìn giới cấm dứt hẳn rượu thịt, không ăn hành tỏi đáng bậc phạm hạnh; tu thiên chỉ quán chứng nghiệp vô lậu; tu hành không bao lâu sẽ thành quả A la hán, thật là bậc Vô thượng phước điền trong thiên hạ".

Những người nghe lời ấy rồi, đua nhau xúm lại mang đến đủ thứ tiền tài ả thực, cung kính cúng dường, như thế nhiều năm. Còn nữ nhân Đề Vi một lòng kính tin, cứ việc tùy nghi cúng dường hoan hỷ không chán. Mãn kiếp trọn đời được sanh lên cõi trời Hóa Lạc.

Còn năm vị Tỳ - kheo kia, chuyên làm việc xảo ngụy, vì tâm tà trực, nên khi phước hết mạng chung, sanh vào đại ngục; tám nghìn ức kiếp chịu cái quả báo rất khổ. Tội địa ngục hết rồi phải chịu thân ngựa quý, ly my, vọng lượng, lần lữa như thế trải qua tám nghìn kiếp; tội ngựa quý hết rồi, lại chịu cái thân lục súc sanh, để đền trả của cúng dường đời trước cho chủ nhân.

Nhân duyên nghiệp báo, hoặc làm lạc đà, lừa, trâu, ngựa, tùy theo chủ nhân chỗ thọ phước gì thì thường đem sức mạnh để đền trả cho chủ nhân,

lần lựa như thế cũng đến tám nghìn đời; tội súc sanh hết rồi tuy đặng thân người, nhưng các căn ám độn, nam cũng không phải nam, nữ cũng không phải nữ, gọi đó là Thạch nữ: Từ đây sắp về sau, trải qua trong tám nghìn năm, thường đem sức mạnh đền trả cho chủ nhân, đến nay chưa hết.

Phật bảo vua rằng: "Đề Vi khi đó là Hoàng hậu đây vậy. Ông Biện Tài khi đó là Mục Liên đây vậy. Còn năm thầy Tỳ - kheo, tức là năm người bọn Phiến Đề La theo hầu hạ khiêng kiệu cho bà Hoàng hậu hôm nay đây".

Vua bạch Phật rằng: "Theo như lời của Đức Thế Tôn nói thì hơn có năm người, mà nay thì chỉ thấy có bốn người khiêng kiệu còn một người nữa ở chỗ nào.

Phật bảo vua rằng: "Còn một người nữa, người ấy thường ở trong cung quét dọn cầu xí, tức là người đỡ phân đó vậy".

Hoàng hậu nghe rồi rùng mình rợn óc, ôm lòng kinh sợ, liền đứng dậy làm lễ Phật, đứng hầu chấp tay mà bạch Phật rằng: "Thưa Đức Thế Tôn! Như lời của Đức Thế Tôn nói, té ra bọn Phiến Đề la là nhân duyên thầy của con đời trước, lòng con thiệt rất lo sợ, sợ là sợ phạm tội nghịch. Sở dĩ vì sao? Vì luận người là bậc thầy, thì phải cung kính đầu đội lễ bái mới phải lễ vậy. Mà nay trở lại sai khiêng kiệu không khác gì trâu ngựa. Vì nhân duyên đó nên lòng con rất lo sợ, cúi xin Phật thương xót dạy con sám hối".

Phật bảo Hoàng hậu rằng: "Bởi Hoàng hậu có phước đức, vốn không có tội lỗi có sao nghi sợ. Chúng sanh tánh khác, hạnh nghiệp không giống nhau, làm lành thì hưởng phước, làm ác thọ tai ương. Hoàng hậu đời trước nhất tâm thanh tịnh tin ưa làm phước, nhân duyên phước đức như thế, bởi bao nhiêu đời trước sanh ra thường gặp Minh sư, tin thọ lời giáo huấn, gặp lành làm lành gặp phước làm phước, cho đến ngày nay hưởng phước tự nhiên gặp Phật ra đời, là vì nhờ phước đức nhân duyên đời trước. Lại nghe Chánh pháp như thuyết tu hành, do nhân duyên đó nên không có tội lỗi chi.(2)

Bởi nhân duyên năm người bọn Phiến Đề La, là do họ thuở trước gian dối nịnh hót không có từ tâm, mà hưởng của người cúng dường. Nhân duyên tội nghiệp đền trả nợ đời trước.

Hoàng hậu bạch rằng: "Thưa Đức Thế Tôn! Nay con nghe Phật nói nhân duyên bốn nghiệp, đệ tử hết nghi không còn lo sợ nữa. Nhưng không biết nhân duyên tội nghiệp của bọn Phiến Đề La này, chừng nào mới hết vậy? Đệ

tử con nay xin tha thứ bọn Phiến Đề La, không dám sai khiến nữa, tùy ý muốn đi đâu thì đi. Cúi xin Đức Thế Tôn thuyết pháp khai hóa, khiến cho tâm bọn ấy hiểu đạo, cải ác tu thiện, mau được khỏi khổ".

Phật bảo Hoàng hậu rằng: "Nếu nay muốn Ta khai hóa bọn ấy, thì phải nên kêu người đồ phẫn trong cung kia lại đây luôn".

Hoàng hậu tức thời, sau sứ đi kêu bọn Phiến Đề La lại. Sứ giả vâng mạng đi gọi bọn họ, trong giây phút họ đến. Bọn Phiến Đề La cả năm người nhóm lại đứng ở trước Phật.

Đức Thế Tôn đại từ, trước dùng lời lành an ủi sự mệt nhọc, nói rằng: "Chúng ngươi các con, thân thể có được mạnh mẽ, an ổn vui sướng và không khổ não chăng?".

Năm người nổi giận nói rằng:

"Phật không biết thời. Sở dĩ vì sao? Vì ngày đêm cần khổ, bị đánh đập sai khiến không được nghỉ ngơi, có vui sướng gì đâu, Phật há không biết những sự như vậy hay sao. Mà trở lại hỏi các ngươi có vui sướng gì chăng?"

Phật bảo năm người rằng: "Cái sự khổ ngày nay, đều là do đời trước gian dối, nịnh hót, đem tâm bất thiện, hưởng thọ người cúng dường, tội nghiệp nhân duyên lần lượt sanh ra, nhân duyên tội đền trả cho đến đời nay, vẫn còn chưa hết. Nếu muốn cầu khỏi quả báo ác thì phải hết lòng chí thành sám hối, cải dữ tu lành, do nhân duyên từ đây mới được khỏi tội".

Bọn Phiến Đề La nghe Phật nói rồi, nổi giận ùng ùng, liền quay lưng trước mặt Đức Thế Tôn, không muốn nghe nữa. Phật bèn dùng thần lực hiện ra một hóa Phật, đứng ở trước mặt bọn ấy, phương tiện bày vẽ khuyên bảo sám hối: bọn Phiến Đề La quay về hướng Đông, cũng có hóa Phật đứng ở trước mặt; lại xây về hướng Tây, cũng có hóa Phật; liền xây bốn phương trên dưới cũng đều có Phật đứng ở trước mặt. Bọn Phiến Đề La thấy Phật xung quanh, tức thời năm người kêu to la oan, mà dấy lời như vậy: "Bọn chúng tôi là người tội tệ ác, Phật nay vì sao, thấy khổ mà còn dần ép thêm nữa".

Bấy giờ, Thế Tôn liền thân nhiếp hóa Phật lại thành một Phật. Phật bảo trong đại chúng, Quốc vương, Hoàng hậu và các thầy Tỳ - kheo mà nói rằng: "Các ngươi có thấy bọn Phiến Đề La ấy chăng?". Tức thời ai cũng đều thưa

rằng: "Dạ thầy". Phật lại bảo rằng: "Các người phải biết chúng sanh tội nghiệp có hai món chướng. Thế nào là hai món chướng?"

Một là: Nghiệp chướng.

Hai là: Phiền não chướng.

Người tội nhẹ thì có phiền não chướng, người tội nặng thì có nghiệp chướng; mà bọn Phiến Đề La đây có đủ cả hai chướng. Vì tội chướng nặng nên không được nghe lời giáo hóa của Phật, không biết làm sao được".

Khi bấy giờ, Hoàng hậu thấy bọn Phiến Đề La không chịu nghe lời Phật giáo hóa, buồn cảm thương tâm nói với năm người rằng: "Từ nay về sau đã rõ nhân duyên thì tùy ý đi đâu cũng được, vui sướng đừng lo". Bọn Phiến Đề La liền quỳ gối xuống khóc lóc thưa với Hoàng hậu rằng: "Muôn tâu lệnh bà, năm người chúng tôi phụng sự hầu hạ nhà vua không ngờ có cái lỗi gì mà ngày nay bị đuổi bỏ. Nếu có sự chi không vừa ý, cúi xin bà rộng lòng tha thứ, để cho chúng con hầu hạ như trước. Khi ấy, Hoàng hậu khiêm nhường từ tạ đôi ba lần, nhưng bọn Phiến Đề La không muốn đi đâu hết(3).

Lúc ấy, Hoàng hậu lại bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn! Đệ tử thiết tình dung thứ bọn Phiến Đề La mà chúng không chịu đi đâu hết, sẽ tính làm sao?".

Phật bảo Hoàng hậu rằng: "Bọn Phiến Đề La trả nợ đời trước chưa hết, nhân duyên bó buộc nên đi không được. Chẳng cần làm sao, chỉ cứ tùy thuận theo ý họ, để họ phụng sự như trước, đến chừng nào nhân duyên đền trả hết, thì tự được giải thoát".

Lúc bấy giờ, Phật bảo rằng: "Này Đại Vương! Vả luận người hay tu phước mà hay khiêm nhường, kính trọng, một lòng thanh tịnh tu nơi đạo nghiệp thì được công đức không lường; dù lửa cũng không thể đốt được, dù nước cũng không có thể trôi được, dù cho trộm cắp, giặc cướp cũng không có thể làm gì được, dù cho sức mạnh của Quốc vương cũng không thể lay động được. Như Hoàng hậu hôm nay được hưởng phước báu vậy.

"Người đem tâm làm ác tham của hiện tiền, như bọn Phiến Đề La, trải qua nhiều đời, chịu khổ đến nay chưa dứt; dù gặp Phật ra đời được nghe lời giáo hóa, cũng như gió thổi ngoài tai. Vì sức tội nghiệp, trở lại sanh ra oán ghét, mờ mờ mịt mịt biết bao giờ sẽ khỏi".

Bấy giờ, Thế Tôn vì lòng từ bi kêu các thầy Tỳ - kheo bảo rằng: "Nhu Ta trước đã nói được thân người là khó, gặp Phật ra đời là khó, được nghe pháp là khó, hưởng được tuổi thọ cũng khó; đệ tử các con đời trước có chút ít căn lành nên nay được sanh làm người; gặp Phật ra đời, nghe pháp tin thọ, cắt đứt tình ân ái, xa lìa cha, mẹ, anh, em, vợ, con, sáu thân quyến thuộc, xuất gia học đạo, như người tù ra khỏi ngục; nên bỏ ác làm lành trong ngoài in nhau; lời nói việc làm không sai khác, bớt sự ham muốn, biết vừa đủ mà thôi, không tham những sự vinh hoa ở đời; nhịn đói nhịn khát, chí quyết tu hành, nghiên cứu học vấn tinh tường bỏ hết các việc ác, trau dồi trí huệ, tu nghiệp vô lậu để ra khỏi biển sanh tử. Lại đem trí huệ, tùy thuận giáo hóa thiên hạ, thực hành mười điều lành, thế mới gọi là độ mình, độ người đúng theo nghiệp Bồ Tát".

Khi bấy giờ, trong hội có các thầy Tỳ - kheo, nghe Phật nói rồi, tự xét chỗ hành vi của mình, thân, khẩu, ý, nghiệp, không xứng với đạo pháp, hơn năm trăm người liền đứng dậy cung kính cúi đầu sám hối, khép nép chấp tay mà bạch Phật rằng: "Nhu theo lời của Đức Thế Tôn vừa nói, trong ba nghiệp không lành, chúng con có đủ. Nay đối trước Phật phát lồ sám hối; cúi xin Đức Thế Tôn chứng xét lòng thành, từ nay về sau chúng con thệ không dám làm quấy nữa, sẽ như pháp tu hành. Xin Phật chứng minh".

Phật bảo rằng: "Này Tỳ - kheo các con! Bạc Thánh Tôn trong ba cõi là cha lành chúng sanh, chúng con nay ăn năn tội ác, làm lành thật là đáng mừng, Ta sẽ tùy hỷ cho".

Lại kể đó có năm trăm hàng thô hạnh Tỳ - kheo nghe lời ấy rồi, liền đứng dậy cúi đầu cung kính xây mặt trước Phật bạch rằng: "Lạy Đức Thế Tôn! Chúng con không có thể tu đạo xuất gia. Sở dĩ vì sao? Vì từ xưa đến nay, chúng con vì việc lợi dưỡng làm sự tà trực, láo dối không thật, thọ của người cúng dường, mắc nợ (tội) rất nhiều; vì những lẽ như thế nên con ôm lòng lo sợ; nay muốn bỏ đạo, trở về tục duyên, xin Phật thương cho".

Phật bảo các thầy Tỳ - kheo rằng: "Hay thay! Hay thay! Ta cũng mừng cho các người! Là vì lẽ sao?"

Luận như người làm đạo, như cầm dao bén, như bưng chén thuốc độc; nếu người nào không kham nổi thì chi bằng đừng làm tốt hơn. Vì sao? - Vì giữ gìn giới không tinh tấn thì trở lại hại mình. Mà nay các người đã tin nghiệp báo, có tâm tầm quý, vì có tâm quý, nên diệt trừ tội lỗi, căn lành tăng

trưởng, chừng Đức Di Lạc Bồ Tát sau khi thành Phật rồi thuyết pháp hội ban đầu, các người sẽ được độ trước".

Phật lại bảo các thầy Tỳ - kheo rằng: "Thà cắt thịt mình dùng để nuôi miệng chớ không đem tâm tà thọ người cúng thí. Khó lắm! Khó lắm! Cẩn thận! Cẩn thận!".

Khi bấy giờ, Phật tử La Hầu La cùng năm mươi Sa - di, nghe Phật nói nhân duyên gốc ngọn tội lỗi chỗ gây tạo của bọn Phiến Đề La rất lo sợ lắm; mỗi người liền cung kính đầu mặt lễ Phật, khấp nép bạch với Phật rằng: "Thưa Đức Thế Tôn! Con nay vừa nghe Phật nói nhân duyên túc nghiệp, quả báo chịu khổ của bọn Phiến Đề La kia, lòng con rất lo sợ. Sở dĩ vì sao?

Vì như Hòa thượng Xá Lợi Phất của chúng con là bậc đại trí, đại phước đức được những nhà hào tộc trong nước quen biết rất nhiều, dân chúng đua nhau dâng lễ cúng dường, trân cam mỹ vị, thức ăn rất quý, nhiều không xiết kể, còn như chúng con bé dại không có phước đức, ăn của người những món ăn ngon lành như thế, đời sau lại sẽ lại đền trả nhân duyên kia, quả báo chịu khổ cũng như bọn Phiến Đề La. Vì những lẽ như thế nên chúng con rất lo sợ.

Kia như năm trăm thầy Tỳ - kheo là bậc trưởng đức còn không có thể kham nổi bỏ đạo về tục, mà huống chi chúng con, là người không có trí huệ, cúi xin Phật rủ lòng thương xót cho chúng con bỏ đạo về nhà, mong khỏi tội khổ, không có khổ nạn".

Khi bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo La Hầu La rằng: "Con nay sợ tội muốn được về nhà, để cho khỏi khổ đó, việc ấy không phải. Vì có sao? Như có hai người thiếu ăn đói khát, bỗng gặp chủ nhân dọn đủ thức ăn, béo bùi ngon ngọt, người kia vì bụng đói tham ăn quá no. Song trong hai người đó, một người có trí, một người ngu si. Người có trí đó tự biết mình ăn quá no, thân thể nặng nề âm ịch khó chịu, sợ sanh bệnh khổ, liền đến thầy thuốc hay, khiêm nhường thấp mình, cúi đầu xin trị giùm bệnh khổ.

Vị lương y liền lấy thứ thuốc Ma đàn đề cho người kia uống đó, người kia uống rồi liền mửa món ăn bữa trước trong bụng ra, khi mửa món ăn bữa trước trong bụng ra rồi lại gạt lửa đắp mền nằm yên, người kia nhân đó mà khỏi bệnh khổ, giữ được tuổi thọ, an ổn khoái lạc.

Trái lại người không có trí kia không biết mình ăn quá no, nên âm ịch trong bụng tưởng là ma quỷ bắt, liền mời đồng bóng làm cho tốn hao tiền của, giết oan sanh mạng cúng tế quỷ thần, cầu xin mạng, nhưng chỉ luống

tổn công vô ích, đồ ăn trong bụng bữa trước dần dần sanh ra bệnh phong, máu chạy gân chuyển, đau thắt ruột gan; nhón đó rồi chết sanh trong địa ngục rồi chịu khổ vài kiếp, bởi do không có trí vậy".

Phật nói rằng: "La Hầu La con nay sợ tội về nhà, như người ngu si không có trí kia vậy".

Luận như người nay cầu phước muốn khỏi tội đó, cần phải khiêm tốn và tinh cần gần gũi Minh sư tu tập trí huệ; ăn năn tội nghiệp ác, cải bỏ những việc ác đã qua, sửa làm những việc lành sắp đến. Từ đây dần dần thành tựu trí huệ, vì thành tựu được trí huệ nên tiêu hết các tội.

Như Ta trước đã nói oai lực của ánh sáng mặt trời hay tiêu các chỗ tối. Người tu trí huệ cũng lại như vậy; nhờ người đời trước có nhân duyên căn lành. Nên nay gặp được Ta cùng Xá Lợi Phất v.v... Như người kia gặp được vị lương y có thể cứu bệnh khổ mà được khỏi chết. Con nay vì sao bỏ chỗ sáng vào chỗ tối?"

Sa-di La Hầu La bạch rằng: "Lạy Thế Tôn! Theo trí con nghĩ trí huệ chư Phật rộng lớn cũng như biển cả; còn tâm La Hầu chúng con nhỏ hẹp dụ như chỉ mảnh, đâu hay nhận nổi trí huệ của Đức Như Lai".

Phật bảo La Hầu: "Như giọt nước trời mưa, giọt sau không kịp giọt trước, tuy rằng không kịp nhau nhưng có thể lần đầy mái to, người tu học trí huệ cũng lại như vậy. Ban đầu từ giọt nhỏ, lần đầy mái to, mái to đầy rồi sang tràn mái khác, lần lượ như vậy, đầy không biết bao nhiêu mái, thế mới gọi là lợi mình lợi người. Vì lợi mình lợi người, nên gọi là bậc Đại sĩ như Ta hôm nay vậy".

Bọn ông La Hầu La thấy nghe Phật nói rồi tâm khai, ý tỏ không còn lo sợ, liền vâng làm đúng như lời Đức Thế Tôn dạy không có nghi vậy.

Khi bấy giờ, trong hội có vị Thái tử của vua nước ấy tên là Kỳ Đà, nghe Phật giảng dạy pháp tu Thập thiện, nhân duyên quả báo không có cùng tận. Liền quỳ gối chấp tay bạch Đức Thế Tôn rằng: "Xưa Phật cho con thọ trì Ngũ giới. Nay con muốn xả bỏ để thọ pháp Thập Thiện. Sở dĩ vì sao?"

Vì trong pháp Ngũ giới về giới rượu rất khó giữ nên con sợ mắc tội".

Đức Thế Tôn bảo rằng: "Khi con uống rượu có làm việc ác chi chăng?".

Kỳ Đà bạch Phật: "Những nhà hào cường trong nước thường thường rủ nhau bày ra tiệc rượu, cùng nhau uống vui vẻ. Vì đặng vui vẻ nên tự không có làm ác vậy. Vì có sao? Vì khi đặng uống rượu nên nghĩ đến giới, vì nghĩ đến giới nên không có buông lung, thế cho nên uống rượu không có làm ác vậy".

Phật bảo: "Hay thay! Hay thay! Kỳ Đà ơi! con nay đặng trí huệ phương tiện. Nếu người trong thế gian được như người hết, thì dù cho uống rượu suốt đời cũng không có cái ác chi cả. Người tu như thế mới được sanh phước không có tội vậy.

Luận như người tu pháp Thập thiện kẻ có hai phép. Một là: Hữu lậu. Hai là: Vô lậu. Người tu phước hữu lậu, thường hưởng cái quả báo khoái lạc cõi nhơn thiên. Người tu phước vô lậu, thì được cái quả báo, khỏi khổ sanh tử thẳng đến Niết - bàn.

Nếu người uống rượu không tạo nghiệp ác, vì tâm hoan hỷ không khởi ra phiền não; nhân duyên tâm thiện, nên hưởng cái quả báo thiện. Thái tử giữ Ngũ giới có lỗi gì ư? Uống rượu mà nghĩ đến giới thì càng thêm nhiều phước, trước người giữ Ngũ giới, mà bây giờ lại giữ thêm pháp Thập thiện thì công đức càng hơn cái quả báo Thập thiện vậy".

Khi bấy giờ, vua Ba Tư Nặc bạch Phật rằng: "Thưa Đức Thế Tôn! Theo như lời Phật nói, khi tâm hoan hỷ không tạo nghiệp ác, nên gọi là hữu lậu thiện, việc đó không phải vậy. Vì có sao? Vì khi người uống rượu thời tâm hoan hỷ; vì tâm hoan hỷ nên không khởi ra phiền não, vì không phiền não nên không làm nào hại, vì không làm nào hại cho ai nên ba nghiệp được thanh tịnh, ba đường nghiệp được trong sạch ấy là vô lậu nghiệp.

Bạch Thế Tôn! Ý con nhớ hồi trước con dạo đi săn chơi quên đem người đầu bếp, lúc vào trong núi sâu biết đói muốn ăn. Kẻ tả hữu đáp rằng: "Hồi mời vua đi không thấy truyền lệnh cho người đầu bếp theo. Nên giờ này không có cơm ăn. Thưa Thế tôn! Con nghe lời ấy rồi liền sai ngựa về cung, truyền bảo dọn cơm, kẻ đầu bếp nhà vua tên là Tu Ca La.

Tu Ca La thưa rằng: "Hiện giờ không có cơm, nay mới đưng nấu". Lúc con đói quá giận không còn nghĩ gì; bực tức mê cuồng ra lệnh các quan đem chém người đầu bếp.

Các quan thấy vua ra lệnh, liền cùng nhau bàn rằng: "Chọn khắp trong nước, chỉ có một người này trung lương ngay thẳng, nay nếu giết đó thì không còn ai có thể làm trừ giám cho vua và làm cho vừa ý vua".

Khi ấy, bà Mạt Lợi Phu nhân nghe vua ra lệnh giết Tu Ca La, lòng rất thương tiếc, biết vua vì đói quá, liền ra lệnh sắm đủ rượu quý thịt ngon, tấm gội hương hoa, trang sức thân thể và đem các kỹ nữ đi đến chỗ vua.

Con thấy Hoàng hậu trau giồi tốt đẹp và đem theo kỹ nữ với một cỗ rượu thịt ngon đến, con liền hết giận. Vì có sao? Vì nàng Mạt Lợi Phu nhân là người giữ năm giới cấm của Phật không uống rượu đã lâu. Hôm nay bỗng nhiên tâm con đương giận, mà lại đem rượu thịt đến, cùng nhau ăn uống, vui chơi để cho thỏa lòng giận dữ.

Con liền cùng với Phu nhân uống rượu ăn thịt đàn hát kỹ nhạc hoan hỷ khoái lạc, nên lòng giận tiêu hết, Hoàng hậu biết con không còn ý giận nữa, bèn sai Huỳnh môn truyền lệnh con bảo các ngoại quan đừng giết trừ giám.

Các quan liền vâng giáo chỉ. Đến sáng ngày sau con rất ăn năn tự trách rầu lo không ăn, dung nhan tiêu tụy. Phu nhân thấy vậy hỏi con: "Vì sao lo buồn hay có bệnh chi chẳng?"

Con nói: "Ngày hôm qua, ta nhơn vì cái lửa đói ép ngặt, vì tâm bực tức giết Tu Ca La, nhơn Trẫm tự xét trong nước đều không có người làm giám trừ cho Trẫm như Tu Ca La. Vì những lẽ ấy nên Trẫm lo sâu hồi hận".

Phu nhân cười nói rằng: "Người kia còn sống, xin vua chớ buồn". Con lại hỏi rằng: "Như thế là thật, hay là nói chơi?"

Phu nhân đáp rằng: "Thật chớ không láo dối vậy". Con liền sai kẻ tả hữu kêu trừ giám đến, sứ giả đi gọi trong giây phút đem đến, con rất vui mừng không còn uất hận".

Vua bạch Phật rằng: "Thưa Đức Thế Tôn! Mạt Lợi Phu nhân, giữ năm giới của Phật, mỗi tháng lục trai, giữ Ngũ giới trọn đời, nay trong một ngày, đã phạm giới ẩm tửu, giới vọng ngữ, hai giới và trong giới Bát quan trai đã phạm sáu giới, việc này làm sao? Chỗ phạm tội giới kia nặng, hay nhẹ?".

Thế Tôn đáp rằng: "Phạm giới như thế được nhiều công đức, không có tội vậy. Vì có sao? Vì có sự lợi ích như Ta trước đã nói. Luận như người tu thiện kẻ có hai món. Một là: Hữu lậu thiện; hai là: Vô lậu thiện. Bà Mạt Lợi

Phu nhân, chỗ phạm giới đó là Hữu lậu thiện. Còn không phạm giới đó là Vô lậu thiện.

Những người y ngữ bất y nghĩa đó là chỗ phá giới tu thiện là Hữu lậu thiện; người người y nghĩa bất y ngữ mà tâm tu thiện gọi là Vô lậu thiện".

Vua bạch Phật rằng: "Theo như lời của Đức Thế Tôn nói: Nàng Mạc Lợi Phu nhân uống rượu phá giới, không khởi ra tâm ác, mà có công đức không mắc tội quả báo ấy; thì tất cả nhân dân đây thấy đều làm được. Vì có sao?

Con nhớ trước đây trong thành Xá Vệ, có những nhà hào tộc, có Công chúa giòng Sát Lợi, nhân gây kinh chút ít, lần đến oán thù to, mỗi người bày mưu đem binh đánh nhau, hai nhà đều là nhà hào tộc trong nước, lại cũng là bà con thân thích chớ chẳng phải người nào xa lạ, thế mà chiến đấu mãi không nghe lời con can gián nên con rất buồn.

Con tự nhớ rằng:"Hồi con còn làm Thái tử, có quan đại thần của đức Tiên vương tên là Đề Di La. Ý thế tông môn phú quý hào cường, thấy con khinh dễ; thường trêu ghẹo con còn hơn loại súc sanh; đương khi giận dữ bực tức không kể gì nữa ý muốn giết đi, nhưng mà không đủ sức, mới vào tâu với vua cha, mà ngài cũng không xét cho. Oán hận đây ruột không biết làm sao được. Vì duyên có ấy nên con thường bỏ sự ăn uống sâu muộn áo não.

Khi bấy giờ, Thái hậu thấy con sầu khổ, nhiều phen khuyên con mà con buồn mãi không nguôi. Trong khi ấy Thái hậu nặng tình thương con, bèn sai sứ như cầu kiếm rượu tốt đem về khuyên con uống.

Con liền bạch với mẹ con rằng: "Tiên tổ nhà ta nói nhau theo Bà-la-môn thờ trời Na La Diên. Nếu nay uống rượu e sợ trời giận và bị Bà-la-môn quả phạt. Đương khi Thái hậu thấy con nguy hiểm tánh mạng, trong lúc đêm khuya canh vắng đóng hết các cửa cung không cho người ngoài như Huỳnh môn, thì nữ được biết.

Thái hậu khuyên con rằng: Luận như đã là Thiên thần thì phải có tâm từ bi cứu khổ tất cả. Các thầy Bà-la-môn cũng phải như vậy, con nay sầu khổ, lỡ chết mất mạng, Thiên thần đâu hay cứu được mạng con chẳng?

Chi bằng uống thuốc tiêu tan ưu hoạn, được toàn thân mạng, các thầy Bà-la-môn kia, chưa đặng Thiên nhân làm gì biết được sự ẩn mật của con

sao? Thúc giục đôi ba phen, túng thế con phải uống đó, đã uống rượu rồi quên mất cái tâm sâu hận.

Thái hậu thấy con mặt mày tươi tỉnh, tâm rất vui mừng, liền đòi cung nữ đàn hát kỹ nhạc, trong ba bảy ngày hưởng vui ngũ dục, bao nhiêu lòng phẫn hận từ đây đều hết.

Con nghĩ như vậy rồi liền sai trung thần bảo sắm rượu ngon và đủ mâm cỗ, lại ra lệnh truyền những nhà hào tộc trong nước, quần thân, sĩ dân, thầy đều đến nhóm: muốn có chỗ bàn một việc lớn, trong nước các quan đến nhóm hai bên quyền thuộc, mỗi bên đều có hơn năm trăm người, cùng đòi đến nhóm ở trên điện vua trang nghiêm khoái lạc.

Vua lại sai trung thần, sắm chén bằng ngọc lưu ly, mỗi chén đựng được ba thưng, trong mỗi chén ngọc đựng đầy rượu ngon. Con liền đối ở trước công chúng bung lên một chén nói rằng:

"Nay bàn việc lớn, tôi thiết tưởng những người ngồi trong hội đây, ai cũng một lòng. Vậy thì nay mỗi người cũng phải uống một chén thuốc bổ cam lồ này, rồi sau sẽ bàn việc".

Ai nấy đều nói rằng: "Xin vâng mạng Đại vương". Con liền sai quan hầu đàn hát kỹ nhạc, mọi người được uống rượu và nghe âm nhạc, nên tâm rất vui mừng, quên mất cừ hận, phần chấn không còn ngại gì nữa.

Vua lại nâng chén, nói với các quan rằng: "Kẻ sĩ phu này tu đức đã trải qua nhiều kiếp, tôn thờ Thánh giáo không dám sai lầm. Quý ngài vì sao nỡ việc nhỏ mà tức giận đánh nhau như thế? Nếu không nhịn nhau, thì e cho nước mất nhà tan, vì thế nên lần này tôi lấy lòng can gián xin quý ngài đừng đánh nhau nữa".

Các quan tâu rằng: "Kính vâng không dám trái mạng". Nhân đó được hòa bình.

Vua bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn! Người khởi ra việc tranh giành không nhân nơi uống rượu, trái lại, nhân đang uống rượu mà tiêu hết cái tâm giận tức tranh giành (*mà đang hòa bình*). Đâu không nhờ công năng uống rượu ư?"

Lại nữa Đức Thế Tôn! Con xét thấy trong thế gian những người bạn cùng, tiểu nhân, nô khách, tỳ nữ, mọi rợ, hoặc nhân ngày khánh tiết, hoặc ở

nơi tiệc rượu; nhóm hội ăn uống, vì tâm vui vẻ không đợi người dạy, mỗi người biết nhảy múa. Khi chưa được uống rượu thì không có việc ấy.

Thế nên biết rằng người thân uống rượu mà sanh vui vẻ. Khi tâm vui vẻ không sanh niệm ác, vì không sanh ra niệm ác thế nên mới gọi là thiện tâm; nhân duyên tâm thiện nên được báo thiện.

Lại nữa thưa Đức Thế Tôn! Kia như loài nhĩ hầu đặng uống rượu còn hay đứng dậy nhảy múa, hưởng chư người đời.

Theo như lời Đức Thế Tôn nói, làm lành được quả báo lành; làm ác thì mắc quả báo ác. Như người trong thế gian, nhờ đời trước làm việc bố thí nhân duyên phước đức, nên nay được giàu to. Kẻ nghèo đến xin, lại tham tiếc không cho; vì cái nhân tham tiếc nên sẽ mắc quả báo nạ quý.

Hoặc có người đời, hoặc nam, hoặc nữ, được thân hình tốt đẹp. Con trai thì được con gái yêu; con gái đẹp thì được con trai yêu. Nếu có người dùng sức mạnh ngăn cấm nam, nữ không cho hội họp. Vì không đặng hiệp nên sanh ra ưu khổ, những tội đây sẽ quy về ai?

Mạt Lợi Phu nhân đều do đời trước có tâm tốt bố thí người. Cho nên nay được báo thân tốt đẹp. Vì sao Đức Thế Tôn bắt giữ Ngũ giới; mỗi tháng ăn lục trai, không đặng trau giồi hương hoa phấn sáp; lại cũng không cho đàn hát kỹ nhạc, và cũng không cho gần gũi với chồng yêu, tấm thân tốt đẹp để làm gì, luống mất không công. Đâu chẳng phải khổ ư?".

Phật bảo vua rằng: "Đại vương nạn như thế, không phải là không hay. Nhưng bà Mạt Lợi Phu nhân khi còn tuổi trẻ; nếu Ta không dạy cho giới pháp tu trí tuệ đó, thì làm sao sẽ có công đức ngày nay; đã hay độ đặng mình lại độ thân vua. Vậy chớ công đức ấy sẽ quy về ai?

Bà Mạt Lợi Phu nhân, vì nghe Ta dạy tu hành đúng pháp. Cho nên ngày nay thành tựu trí huệ, mới được giải thoát vậy.

Lại nữa này Đại vương! Thí như người đời, trong gia đình chỉ có một đứa con, vì muốn cho thành người, nên lúc còn bé đem đến trường học. Nhờ thầy dạy bảo văn thơ, nghệ thuật, nhân cách, lễ nghĩa, theo phép của nhà trường đều có kỷ luật, quở, trách, đánh, phạt, hạn chế ăn uống, không cho ngủ nhiều, ra vào đi lại, không sai tiết độ.

Những người có trái phạm tùy tội nặng nhẹ, xét mà hành phạt. Vì trẻ sợ đòn, chuyên tâm lo học, đến khi tuổi lớn, tài cao, học rộng, việc gì cũng biết, lại đem cái biết ấy dạy sang người khác. Bà Mạt Lợi Phu nhân, vâng giữ trai giới cũng giống như thế.

Lại nữa này Đại vương! Ví như Phú Lâu Na vì tâm ganh ghét nên cắt đứt ân ái, từ cha mẹ bỏ lia vợ con. Vào núi tu học, mình mặc áo bằng cỏ, chịu lạnh, chịu khổ, tự lập lời thệ rằng: "Quyết định đọc thuộc chín mươi sáu món kinh, thơ, ký luận đều được thông suốt. Nếu không được như vậy thì không trở về cùng cha mẹ thấy nhau".

Trọn hai mươi năm tất cả thông suốt. Trở về thành Vương Xá đầu đội lửa đuốc, bụng nịch tiếng đồng, đi trên bờ ruộng tự xưng to lên rằng: "Mình là người Nhứt Thiết trí". Rồi đến Ta hỏi rằng: "Này Cù Đàm Sa môn! Có biết tôi là ai không?".

Ta nói: Người là người ngu si. Rồi nói bài tụng rằng:

Nếu là người có trí tuệ,

Không khoe mình ai cũng biết.

Như thế là kẻ đa văn,

Như mặt trời soi trong thế gian.

(Không khoe mình là sáng, mà ai cũng biết là sáng)

Kẻ vừa nghe (*biết*) chút ít,

Tự khoe mình là lớn.

Như mù cầm đuốc soi,

Chiếu ai chớ mình không sáng.

Khi bấy giờ, Phú Lâu Na nghe Ta nói lời ấy rồi bỗng nhiên tâm ngộ, liền bỏ đuốc cõi đồng, năm vóc gieo sát đất, hổ thẹn xin lỗi. Vì do ông là người đa văn, trí huệ các căn thông lợi, cho nên trong khi lạy xuống chưa đứng dậy mà đã dứt đặng phiền não trong ba cõi được quả A La Hán. Sức trí huệ đó thí cũng như câu móc điều phục con voi, voi tùy theo móc mà đi(4).

Đại vương phải biết rằng: Luận như người tập đọc, đều nhờ ngăn cấm năm tình, mới được thông suốt không chỗ ngăn ngại. Vì chỗ không ngăn ngại nên gọi là Vô ngại trí. Vô ngại trí ấy đủ có bốn biện tài vậy. Nay Phú Lâu Na đủ có bốn món biện tài, đều nhờ khiêm tốn cần khổ học tập mới được. Thế cho nên Ta nói: Luận như người huệ giải có bảy món của. Sao gọi là bảy?

Một là: Tín tài.

Hai là: Tinh tấn.

Ba là: Trì giới

Bốn là: Tàm quý.

Năm là: Đa văn.

Sáu là: Hành xả.

Bảy là: Định huệ.

Ấy là bảy món của; bà Mạt Lợi Phu nhân có đủ bảy món của ấy.

Đại vương phải biết, Mạt Lợi Phu nhân tuy là thân nữ, mà tài cao trí rộng, chẳng phải như người phàm, đều nhờ hồi còn trẻ đến giờ, giữ gìn cẩn thận thân, khẩu, ý nghiệp, nhất tâm chuyên niệm, tu tập trí huệ, vì cái sức trí huệ nên gọi là sức giải thoát; rồi đem trí tuệ bày tỏ khắp trong thiên hạ.

Khi bấy giờ, Đức Thế Tôn, nhân Sa-di La Hầu La và cả đại chúng mà nói bài tụng rằng:

Đa văn là chim cánh vàng

Oai thế võ lực mạnh

Vân là kho hành bảo

Ở đâu lợi ích đầy

Văn là cầu công to

Cứu khỏi mọi khổ ách

Văn là thuyền lái lớn
Đưa qua biển sanh tử
Đa văn chí được sáng
Vì sáng trí huệ thêm
Trí huệ hiểu (rõ) nghĩa rộng
Thấy nghe tu đúng pháp
Đa văn trừ được não
Hay dùng định làm vui
Khéo giải pháp cam lồ
Từ đó được Niết bàn
Văn là biết pháp luật
Hết nghi thấy được chánh
Nhờ văn bỏ phi pháp
Đi đến chỗ bất tử
Tiên nhân kính thờ văn
Chư Thiên lại cũng thế
Giữ tâm không buông lung
Đa văn thành Thánh trí
Trí huệ trừ lo giận
Cũng dẹp thói tà phi
Người muốn cầu yên ổn

Phải tôn thờ người trí (*sáng suốt*)

Mù từ đây được mắt

Như trong tối được đuốc,

Mở lối cho người đời

Như người sáng dắt người tối

Thế là bỏ ngu si

Ly, mạn, hào, phú, lạc

Chăm học thờ Minh sư

Ấy gọi là người đức.

Khi bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ ấy rồi bảo vua rằng: "Này Đại vương! Nay Đại vương có phước đức thông suốt nghĩa rộng, là đều bởi đời trước thân cận (*gần gũi*) bậc Minh sư khiêm tốn, cầu khẩn, hầu hạ (*phụng thờ*) học tập mới được nhân duyên quả báo, nay được làm vua; trí huệ thông suốt tùy nghi tiếp dắt trong thế gian ít có.

Thế cho nên Ta nói Bát Nhã trí huệ có bốn nghĩa, thì đủ biết rằng: Người cầu đạo tam thừa phải học pháp Bát Nhã. Muốn lìa khỏi cái khổ hoạn trong tam đồ bát nạn, muốn hưởng quả báo khoái lạc cõi nhơn thiên. Nói tóm lại là, muốn cầu tất cả phước đức đều phải tu học trí huệ phương tiện.

Như Ta trước đã nói: Vua A Dật Đa, vì nhờ sức cần khổ học tập trí huệ, tuy trong khi lỡ làm ác mà phải sanh trong đường ác thú, nhưng thường nhớ lại túc mạng, vì nhớ được túc mạng nên bỏ dữ làm lành, chóng được giải thoát, cảm động đến chư Thiên tiếp tế cúng dường, dùng sức trí huệ làm thầy chư Thiên. Do nhân duyên ấy, nên Ta nói Bát Nhã có đủ bốn nghĩa vậy".

Khi bấy giờ, vua Ba Tư Nặc nghe Phật giảng dạy trí huệ phương tiện, công đức nhân duyên, tất cả vui mừng. Thái tử Kỳ Đà, Phu nhân, Thái hậu, quần thần, sĩ dân, tất cả đại chúng không ai mà không tỏ ngộ, mỗi người đều cung kính, vì Phật làm lễ lại ngồi như cũ.

Vua lại vòng tay bạch Phật rằng: "Theo như lời Phật nói, người đời tu thiện kẻ có hai món. Một là: Hữu lậu thiện. Hai là: Vô lậu thiện. Hữu lậu, Vô lậu hai nghĩa cùng quy về một. Vì sao Đức Thế Tôn lại nói khác nhau ư?".

Phật bảo vua rằng: "Người có hai hạng. Một là người lợi căn. Hai là người độn căn; mà người độn căn có hai món thiện, còn người lợi căn thì không nói hai vậy. Sở dĩ vì sao? Ví như các nguồn nước chảy cũng về một biển. Còn người độn căn bị các căn ngăn lấp, thế cho nên vì nói các pháp phân biệt cho nghe".

Khi bấy giờ, Thái tử vua nước ấy là Kỳ Đà bạch Phật: "Thưa Đức Thế Tôn, giới pháp Thập thiện có nhiều nghĩa hay là cũng đồng một nghĩa. Pháp Thập thiện về giới vọng ngữ một hay nhiều. Nếu chỉ một nghĩa, chắc con không giữ gìn được, còn nhiều nghĩa xin Phật nói cho".

Phật bảo Kỳ Đà rằng: "Vọng ngữ có hai, một là nặng, hai là nhẹ. Sao gọi là nặng? Nghĩa là người thọ giới rồi mà không tu trí huệ, ngu si tối đốt, không biết giáo hóa làm Phật pháp được hưng thịnh thêm lên. Vì những lẽ ấy người ta khinh dể, không được của cúng dường bản cùng khốn khổ; vì không được cúng dường nên ngoài thân hiện tướng tinh tấn, mà trong tâm làm việc tà trước.

Cùng nhau tuyên truyền đến nói mọi rằng Tỳ - kheo kia, khổ hạnh, tinh tấn, đặng cảnh giới thiên, hoặc nói thấy Phật, thấy rồng, thấy quỷ. Những người như thế gọi là đại vọng ngữ. Người phạm tội đây đọa vào trong địa ngục A tỳ.

Lại cũng có tội vọng ngữ hay làm thiệt hại người, phá hoại nhà người; lại có tội vọng ngữ, làm trái mất kỳ hẹn khiến cho người tức giận, như vậy gọi là tội hạ vọng ngữ, những người làm như thế gọi là phạm giới, đọa trong tiểu ngục. Còn bao nhiêu thứ vọng ngữ như là nói chơi và những lý đáng giấu, sự đáng cấm hoặc có nói không, hoặc không có nói, không phạm giới vậy".

Thái tử Kỳ Đà nghe lời nói ấy rồi, liền ở trước Phật thọ pháp Thập thiện và bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn! Đệ tử ngày nay nghi hối đã trừ, phát tâm Tam Miệng Tam Bồ đề xin Phật chứng biết".

Phật nói: "Hay thay! Người nay đã biết thế, Ta rất vui mừng".

Khi bấy giờ, vua Ba Tư Nặc bạch với Phật rằng: "Theo như lời Phật đã nói, thì mười phương các vị Hiền Thánh rõ thấu nhân duyên quả báo của tất cả chúng sanh. Vậy thì phụ vương con trước kia tu trì giới cấm của ngoại đạo, không uống rượu và không ăn hành, tỏi, ngũ vị tân; kính thờ Phạm Thiên và thờ mặt nhật, nguyệt, thủy, hỏa, thường làm việc bố thí để cầu sanh về cõi trời Phạm Thiên. Mỗi năm thường dùng một ngàn con bò sữa cúng dường cho các thầy Bà-la-môn.

Kể bốn mươi năm, có bốn vạn con bò, thỉnh các thầy Bà-la-môn ăn sữa, tô lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ các vị, công đức như thế sẽ sanh về cõi trời nào? Cúi xin Phật đủ lòng thương xót dạy bảo, khiến cho những người tu hành ai cũng được nghe được biết".

Phật bảo vua rằng: "Quả báo của Tiên Vương, nay ở trong địa ngục. Sở dĩ vì sao? Vì rằng sanh ra không gặp thiện thời, không gặp thiện hữu và không gặp thiện phương tiện, tuy tu các công đức mà không đăng khỏi tội. Nhưng mà cái công đức bố thí kia không mất đi đâu, chừng nào tội hết mới đăng hưởng phước".

Đại vương phải biết: "Luận như người tu phước không chuộc được tội, vì không chuộc được tội nên cần phải có phương tiện mới chuộc được tội".

Phương tiện là gì? Nghĩa là ông Thiện tri thức. Sao gọi là thiện hữu? Nghĩa là người chánh kiến ấy là thiện hữu. Thường đem lời chánh điều phục tâm mình.

Chánh giáo là gì? Nghĩa là dạy quán pháp vô thường, khổ, không, vô ngã và mười hai nhân duyên trôi buộc đường sanh tử. Và tu pháp Tứ Chơn đế; thấy khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, thực hành sáu pháp Ba La Mật và Tứ Vô Lượng Tâm, thế mới gọi là phương tiện điều phục các căn, vì điều phục các căn nên định huệ được thành tựu, vì định huệ được thành tựu nên tâm mình được ngay thẳng, vì tâm mình được ngay thẳng nên sanh ra tinh tấn. Vì tâm tinh tấn nên hay sanh ra sự giữ giới, vì giữ giới được hoàn toàn nên định huệ sáng tỏ, vì huệ được sáng tỏ nên làm đủ muôn hạnh thông suốt không ngăn ngại, vì muôn hạnh thông suốt không ngăn ngại cho nên kêu là giải thoát, mà cái tâm giải thoát đó tức là Niết bàn vậy. Thế cho nên mới kêu là Thiện tri thức vậy.

Đại vương phải biết: Minh sư dắt dẫn thật là một nhân duyên lớn, không nên khinh vậy. Đại vương nay được gặp Hiền Thánh, đều nhờ nhân duyên quả báo đời trước, nên đời nay nghe pháp tin hiểu, lại có tài năng làm cho

người tin hiểu. Thế nên Ta nói người sáng khó gặp, như có một người không ai sánh kịp, người đó sanh ra chỗ nào, thân tộc nhờ phước, thế nên phải tu Bát Nhã trí huệ".

Vua bạch Phật rằng: "Thưa Đức Thế Tôn! Con nghe Thế Tôn nói trí huệ phương tiện, tâm con đều được thông suốt, theo như lời của Đức Thế Tôn đã nói họa phước chẳng đồng, nhưng mà không biết Tiên Đế của con, có cái ác nghiệp chi và chịu khổ báo gì?".

Phật bảo vua rằng: "Tiên đế của Đại vương có sáu món tội. Sao gọi là sáu món tội?".

Một tội là: Ngạo mạn, như bản, không luận việc nhỏ hay lớn, đánh phạt ngang tàng, vì không nhẫn nhịn vậy. Hai tội là: Tham nhận của báu, xử đoán không công, làm cho thiên hạ kêu rêu oán hận. Ba tội là: Vui chơi, săn bắn làm khốn khổ nhân dân, tàn sát chúng sanh những loài tiếc mạng sống. Bốn tội là: Giam cầm cung nữ, không đặng vừa ý, chịu nhiều khổ não. Năm tội là: Đắm mê nữ sắc, mới chuộng cũ vong, ăn ở bất bình, sanh ra oán hận. Sáu tội là: Sợ các thầy Bà-la-môn, ăn vụng rượu thịt, hành, tở, ngũ vị tân; sợ kia quả trách, dối trá du bợ, ấy gọi là sáu việc tội nghiệp nhân duyên sanh trong địa ngục.

Vua bạch Phật rằng: "Nếu đã như vậy đó thì khi Phật chưa ra đời. Đệ tử này cũng có tội như thế, vậy bây giờ phải làm sao tu pháp Thập thiện cho được thành tựu không ngăn ngại ư?".

Phật bảo vua rằng: "Như Ta trước đã nói, khi ánh mặt trời mọc ra thì các tội tiêu hết hay là còn tội chẳng?".

Vua bạch Phật rằng: "Thưa Đức Thế Tôn! Ánh sáng của đèn còn có thể diệt được tối tăm, huống chi oai thế của ánh sáng mặt trời rất mạnh vậy".

Phật nói rằng: "Nay vua có phước đức nghe Ta nói pháp thành tựu trí huệ, ví như ánh sáng mặt trời tiêu diệt hết các sự tối tăm, không còn tội lỗi vậy".

Vua Ba Tư Nặc bạch Phật rằng: "Cha con tôn thờ những thầy Bà-la-môn tinh tấn trí huệ, tu tập khổ hạnh, là vì cầu phước không tiếc thân mạng, hoặc có khi gieo mình xuống núi, nắm món nóng hóp thân, hoặc bỏ ăn uống để cầu sanh về cõi Phạm Thiên hoặc chắt củi thiêu sống thân mình, hoặc co giò hả miệng hớp ánh sáng mặt trời, hoặc leo lên cây cao, lấy dây buộc chân rồi

thông đầu xuống, hoặc nằm trên chông gai, rinh đá đè lên bụng có như vậy v.v... biết bao là khổ hạnh. Nhưng mà không biết nhân duyên phước đức, công tu khổ hạnh sẽ về chỗ nào?"

Phật đáp rằng: "Như Ta đã nói trước, làm khổ chịu quả báo khổ, làm vui được quả báo vui, vua không nghe sao?"

Vua nói rằng: "Thưa Đức Thế Tôn! Như vậy thời Thế Tôn bắt các hàng đệ tử phải trì cấm giới đâu chẳng phải là khổ ư? Vì sao? Vì luận như người trong lúc đói không được ăn liền, đâm ra phiền não, tức giận nổi lộn không còn biết chi là chi, chỉ muốn làm hại giết Tu Ca la, những việc như thế nên chịu khổ nhiều đời, đâu chẳng phải là ác sao?"

Phật bảo vua rằng: "Ta trước sở dĩ hạn chế cho ăn giữa giờ ngộ ấy là vì hai lẽ. Một là: Vì cá Tỳ - kheo bỏ pháp ngoại đạo vào trong pháp Ta xuất gia tu hành, vì tâm chịu đói khát, khổ hạnh trước đã quen. Hai là: Các ông đệ tử đặng món ăn ngon lành (*béo*) tham ăn quá no, vì ăn không tiết độ nên sanh ra các bệnh. Thế nên Ta hạn chế sự ăn, chẳng phải là vì chịu đói chịu khổ, để cầu phước đức vậy.

Lại nữa có giờ khắc, đó là vì Ta thấy các thầy Tỳ - kheo, ngày đêm ngiêu ngện đi xin ăn, ăn không có giờ khắc, làm cho bọn ngoại đạo nó chê trách và nói rằng: "Cù Đàm Sa môn tự nói đạo mình là tinh tấn, mà sao không bằng pháp ngoại đạo. Thế nên Ta bắt ăn có giờ, chớ chẳng phải bắt chịu đói chịu khổ để cầu phước vậy.

Nói tóm lại là Ta bắt giữ cấm giới, chính vì người ngu si không huệ phương tiện, chớ chẳng phải là hạ người trí huệ biết rõ thời nghi vậy.

Như Ta trước đã nói: Bát Nhã trí huệ tức là sức giải thoát chỗ đó là chỗ thực hành của bậc Thánh Hiền mà người trí cần phải vâng làm".

Vua nghe lời ấy rồi càng thêm hoan hỷ liền đứng dậy cung kính, vì Phật làm lễ, tất cả đại chúng cũng đồng như vậy.

---o0o---

PHẦN LƯU THÔNG

Khi bấy giờ, vua Ba Tư Nặc quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng: "Thưa Đức Thế Tôn! Nay trong đại chúng đã nghe Phật giảng nói, mỗi nghi tan

sạch. Ví cũng như ánh sáng mặt trời tiêu hết các tối tăm, thấy được tỏ rõ. Công đức như đây, ân kia khó đền. Đệ tử chúng con làm cách nào thi thiết cúng dường, để đền cái ơn nặng Đức Thế Tôn ngày nay vậy".

Phật bảo vua và cả trong đại chúng rằng: "Giáo pháp cam lồ công kia khó trả, dù cho có người ở trong hằng sa kiếp, tận tâm phụng sự Phật Pháp Tăng áo mặc, ăn uống, đồ nằm, tạt bệnh, thuốc thang, thì ý vua nghĩ sao, phước kia nhiều chăng?".

Vua nói rằng: "Dạ nhiều lắm, không có thể so lường được".

Phật bảo vua rằng: "Giáo pháp cam lồ đây, tinh diệu khó lường, cứu độ tất cả bất kỳ việc lớn hay nhỏ. Chẳng phải dùng cái sức phước đức cõi Nhơn Thiên mà có thể trả được vậy. Nếu muốn trả chỉ có một việc, có thể trả ơn Phật được".

Sao là một việc? Nghĩa là thường dùng tâm từ đem cái chỗ của mình hiểu biết tất cả thiện pháp đó, lần lượt khai hóa nhân đến một người, cũng làm cho họ tín tâm thành tựu trí huệ. Cứ thế rồi lần đến vô cùng vô tận. Ví như một ngọn đèn, mỗi ra không biết bao nhiêu ngọn đèn, người tu như thế mới gọi là học trò trả ơn nặng cho thầy.

Đại vương phải biết. Muốn trả ơn thầy giải thoát cho mình đó, thì mình lại phải đem trí huệ giải thoát cho chúng sanh, người tu như vậy thời chẳng những cúng dường trả ơn cho thầy mà thôi, mà cũng là cúng dường ba đời chư Phật vậy".

Vua lại vòng tay bạch Phật rằng: "Thưa Đức Thế Tôn! Con xin tuyên truyền giáo pháp khai ngộ quần sanh, cầu mong đi về con đường chánh kiến tu tập Thánh đạo, thì cái phước đó làm sao? Cúi xin Phật đủ lòng từ thương xót, khai dạy cho con và tất cả chúng sanh".

Phật bảo vua rằng: "Hoặc có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào theo thầy nghe pháp một câu, một nghĩa, rồi lần lượt giáo hóa thêm ra, cho đến một người nào chưa tin thì khiến cho họ tin, người nào chưa hiểu khiến cho họ hiểu, cái công đức như đây không lường không ngăn, chẳng phải phàm phu mà có thể biết được".

Này Đại vương! Giả sử như có người ở trong ngàn năm, dùng thức ăn thuốc uống, y phục quý báu cúng kính cúng dường Phật, Pháp và Thánh Tăng, phước đức kia nhiều chăng?"

Vua nói rằng: "Dạ nhiều lắm, không thể cân lường".

Phật bảo: "Này Đại vương! Nếu có Thiện nam tử, người Thiện nữ nào, theo thầy nghe thuyết Chánh giáo của Phật, rồi lần lượt giáo hóa thêm ra cho đến một người nào cũng khiến cho họ tin hiểu, thì cái chỗ được phước còn hơn muôn ngàn ức bội, đối với người bố thí không bằng một phần. Vì sao? Vì cái công đức thuyết pháp thật là không lường vậy".

Khi bấy giờ, Phật bảo ông A Nan: "Này A Nan! Như giáo pháp đây, ông phải tinh cần, tuyên truyền giáo hóa, tất cả nhân dân, thì phước đức không lường.

Này A Nan! Ngày nay Ta dùng pháp màu Vô thượng tuyệt đối đây giao phó cho ông. Vậy ông phải tuyên bố, giáo hóa đi độ khắp tất cả chúng sanh, ấy là cúng dường tất cả chư Phật đó vậy".

Ông A nan lại vòng tay bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Phật giao cho con Kinh này, mà không biết tên Kinh này là tên chi?".

Phật bảo ông A Nan rằng: "Kinh này tên là Kinh "Vị Tăng Hữu Thuyết Nhân Duyên". Vậy phải cần tu và lưu hành".

Khi bấy giờ, vua Ba Tư Nặc, Thái tử Kỳ Đà, Phu nhân, Hậu cung, bốn bộ đệ tử Thích, Phạm, Chư Thiên, Bát Bộ, Long Thần, tám mươi muôn người, nghe Phật giảng nói đều rất vui mừng, mỗi người đều phát tâm trước ngôi Tam Bảo, lễ Phật rồi lui về, đứng như pháp mà vắng làm.

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CHƯA TỪNG CÓ HẾT QUYỂN SAU

---o0o---

LỜI PHỤ

Kinh này các vị Hiền Thánh hội xưa cũng thường thọ trì đọc tụng, cũng như Kinh Tam Bảo, Di Đà, Hồng Danh v.v... mà quý vị thiện nam tín nữ đọc tụng bây giờ.

Theo tiếng gọi Kinh Di Đà Hồng Danh, mà gọi rằng Kinh Tam Bảo không phải là không đúng: nhưng cần phải hiểu rộng, kinh nào mà của Đức Phật nói ra, các vị Hiền Thánh phụng hành, đều gọi là Kinh Tam Bảo: Phật, Pháp và Tăng vậy.

Quý vị muốn tụng Kinh này, trước cũng "Khai Kinh" như thường, trừ bài giới thiệu và bài tựa tụng thôi.

Và khi tụng hết quyển, đọc bài kệ thâu Kinh như vậy:

KỆ THÂU KINH (LỜI CẦU NGUYỆN)

Trời rông tám bộ người cùng Thánh,
Đến nghe giới pháp phát tâm thành;
Ứng hộ Phật pháp cho miên viễn,
Đồng cùng tu học pháp Như Lai.
Bao nhiêu vị đến đây nghe pháp,
Hoặc ở dưới đất hoặc trên không;
Đối với thế gian lòng thương xót,
Đêm ngày nương ở hội pháp tràng.
Xin cầu thế giới thường an ổn,
Trí cao phước rộng độ quần sanh;
Bao nhiêu tội nghiệp tiêu dứt hết,
Xa lìa khổ não đến Niết Bàn.
Thường lấy Giới hương thoa dồi thể,
Hàng gìn áo Định để che thân;

Hoa màu Chánh trí khắp trang nghiêm,

Tùy ở chỗ nào thường an lạc.

NAM MÔ HỘ PHÁP CHƯ TÔN BỒ TÁT MA HA TÁT

---o0o---

HẾT